CHỈ THỊ VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG TRỪ BỆNH LÙN SỌC ĐEN HẠI LÚA Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ PHÍA BẮC

Ngày 15/11/2017, Cục Bảo vệ Thực vật - Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị số 9556/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen phương Nam hại lúa ở các tỉnh, thành phố phía Bắc. Nội dung cụ thể như sau:

1. UBND các tỉnh, thành phố phía Bắc

- Chỉ đạo làm đất sớm, vệ sinh đồng ruộng, cày vùi lúa chét và cỏ dại là ký chủ phụ của rầy lưng trắng và bệnh lùn sọc đen phương Nam ở các khu vực đã bị bệnh để tiêu hủy triệt để nguồn bệnh trên đồng ruộng; những nơi có mật độ rầy lưng trắng cao phải phun trừ trước khi cày vùi, tiêu hủy.

- Kiểm tra, rà soát, lắp đặt mới hệ thống bẫy đèn để xác định đỉnh cao của rầy di trú, đặc biệt là rầy lưng trắng; lấy mẫu rầy vào đèn và mẫu rầy trên đồng ruộng giám định, xác định tỷ lệ rầy mang virus lùn sọc đen phương Nam để có biện pháp phòng trừ môi giới truyền bệnh và bố trí lịch thời vụ phù hợp.

- Hạn chế đưa vào cơ cấu những giống lúa đã bị nhiễm bệnh lùn sọc đen phương Nam nặng, tăng cường sử dụng các giống kháng, chống chịu hoặc ít nhiễm rầy lưng trắng.

- Giám sát chặt chẽ, bảo vệ diện tích mạ khỏi nguồn bệnh, đặc biệt ở các vùng đã bị bệnh lùn sọc đen phương Nam:

+ Mạ vụ đông xuân, vụ xuân: Khuyến cáo che phủ nilon để chống rét đồng thời ngăn rầy lưng trắng xâm nhập truyền bệnh.

+ Mạ vụ hè thu, vụ mùa: Che phủ lưới dày chống côn trùng hoặc xử lý hạt giống bằng thuốc BVTV trước khi gieo và thường xuyên kiểm tra tỷ lệ rầy lưng trắng mang virus trên đồng ruộng để phun trừ kịp thời. Nếu phát hiện mạ có triệu chứng bệnh, tiến hành tiêu hủy cả luống hoặc cả ruộng sau khi đã phun trừ rầy; gieo bổ sung mạ nếu thời vụ cho phép.

- Trong thời gian từ khi gieo cấy đến giai đoạn lúa làm đòng phải thường xuyên kiểm tra tỷ lệ rầy lưng trắng mang virus để phun trừ kịp thời, ngăn chặn rầy lây lan nguồn bệnh; thực hiện nhổ, vùi tiêu hủy những cây lúa bị bệnh, cấy dặm bằng cây lúa khỏe; chăm sóc bổ sung để cây lúa nhanh chóng phục hồi.

- Tập huấn cho nông dân về cách nhận biết rầy lưng trắng, bệnh lùn sọc đen phương Nam, thời điểm rầy di trú và biện pháp phòng trừ để người dân biết và chủ động thực hiện; chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh thông tin tuyên truyền.

- Thanh tra, kiểm tra việc kinh doanh, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật ở cơ sở, xử lý nghiêm việc kinh doanh thuốc giả, thuốc kém chất lượng, tăng giá thuốc trong thời gian có dịch.

c. Chủ động xây dựng kế hoạch hỗ trợ nông dân phòng chống dịch bệnh theo quy định hiện hành.

d. Khen thưởng kịp thời những đơn vị, cá nhân tham gia tích cực và có hiệu quả trong phòng trừ dịch bệnh; xử lý kỷ luật nghiêm khắc những tập thể, cá nhân không nghiêm túc chấp hành sự chỉ đạo của cấp trên để bệnh lây lan, bùng phát thành dịch.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Cục Bảo vệ Thực vật:

- Chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các tỉnh/thành tăng cường điều tra, phát hiện sớm rầy lưng trắng, bệnh lùn sọc đen phương Nam và chủ động áp dụng các biện pháp phòng trừ kịp thời.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Cục phối hợp chặt chẽ với các Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh lấy mẫu, giám định nhanh nguồn rầy mang virus gây bệnh lùn sọc đen phương Nam.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bệnh; phân công cán bộ phụ trách các địa phương hỗ trợ việc kiểm tra, giám sát tình hình bệnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị rà soát, hoàn thiện quy trình phòng trừ tổng hợp rầy lưng trắng và bệnh lùn sọc đen phương Nam hại lúa.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện các biện pháp phòng trừ bệnh; tổng hợp và báo cáo tình hình dịch bệnh, công tác phòng chống dịch bệnh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b. Cục Trồng trọt

- Chỉ đạo gieo cấy giống lúa thay thế các giống đã bị nhiễm bệnh lùn sọc đen phương Nam nặng trong vụ hè thu và mùa 2017.

- Theo dõi tình hình sản xuất lúa ở địa phương để phối hợp chỉ đạo về cơ cấu giống, thời vụ và các biện pháp canh tác phòng chống bệnh lùn sọc đen phương Nam.

c. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chỉ đạo hệ thống khuyến nông các cấp tập trung tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn tới tận hộ nông dân các biện pháp phòng trừ rầy lưng trắng, bệnh lùn sọc đen phương Nam; xây dựng các mô hình phòng trừ bệnh có hiệu quả; tổ chức in ấn sổ tay, tờ rơi, poster, thông tin tuyên truyền phòng trừ rầy lưng trắng và bệnh lùn sọc đen phương Nam; kịp thời tổng kết và phổ biến kết quả mô hình để áp dụng trên diện rộng.

d. Viện Bảo vệ thực vật chủ trì, phối hợp với Học viện Nông nghiệp Việt Nam tiếp tục nghiên cứu sâu về bệnh lùn sọc đen phương Nam và các bệnh virus hại lúa khác ■

BBT *(gt)*

GIỚI THIỆU THÔNG TƯ MỚI VỀ KHUYẾN NÔNG

Để đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông Trung ương, ngày 15/11/2017 Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT hướng dẫn quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương (thay thế Thông tư số 49/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn quản lý nhiệm vụ và dự án khuyến nông Trung ương). Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT có hiệu lực thi hành từ ngày 02/01/2018. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xin giới thiệu những điểm mới và hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT như sau:

1. Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông

Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức triển khai các hoạt động khuyến nông chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Tuy nhiên trong những năm qua, công tác xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông còn chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều định mức đã lạc hậu nhưng chưa được cập nhật, bổ sung kịp thời. Các kết quả nghiên cứu khoa học mới thành công, sản xuất đang có nhu cầu nhưng chậm được xây dựng, cụ thể hóa thành định mức để chuyển giao vào sản xuất.

Để giải quyết vấn đề này, tại Điều 5 của Thông tư Bộ đã giao Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trình Bộ ban hành.

2. Chương trình khuyến nông Trung ương

Điều 6 của Thông tư 15 này đã bổ sung quy định về việc xây dựng và phê duyệt chương trình khuyến nông Trung ương theo từng giai đoạn 5 năm, 10 năm, làm cơ sở để định hướng cho việc triển khai thực hiện các hoạt động khuyến nông hằng năm. Chương trình được xây dựng theo hướng tổng hợp, tập trung vào các sản phẩm chủ lực quốc gia và giải quyết những vấn đề lớn, căn cơ của Ngành, sẽ góp phần hạn chế được việc đầu tư manh mún, dàn trải và tạo ra những chuyển biến tích cực trên phạm vi rộng, phát huy vai trò chỉ đạo, định hướng của Bộ trong công tác khuyến nông.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ này, Tổng cục, Cục chuyên ngành sẽ đề xuất chương trình khuyến nông theo từng lĩnh vực. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là đầu mối tổng hợp, xây dựng thành các chương trình và gửi xin ý kiến Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố. Trên cơ sở ý kiến của các địa phương, Bộ sẽ tiến hành thẩm định và phê duyệt chương trình. Như vậy, việc xây dựng chương trình khuyến nông đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa chủ trương, định hướng phát triển của ngành với nhu cầu thực tiễn sản xuất của các địa phương, làm cơ sở để định hướng cho hoạt động khuyến nông toàn ngành.

3. Dự án khuyến nông Trung ương

Để khắc phục, hạn chế những bất cập trong quá trình triển khai các dự án khuyến nông Trung ương thời gian qua, phát huy vai trò và sự tham gia của hệ thống khuyến nông các địa phương, trong Thông tư mới này đã có những đổi mới cơ bản về quy định cũng như phương thức tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

- Về phạm vi dự án: Yêu cầu thực hiện từ 02 tỉnh trở lên (trước đây yêu cầu phạm vi từ 03 tỉnh trở lên).

- Về tổ chức chủ trì dự án: Trung tâm khuyến nông các tỉnh, thành phố được quyền đề xuất và đăng ký chủ trì dự án khuyến nông Trung ương nếu đáp ứng đủ các điều kiện về năng lực, kinh nghiệm khuyến nông theo quy định tại Điều 3 của Thông tư.

- Trường hợp dự án giao cho cơ quan trung ương hoặc doanh nghiệp chủ trì thì Bộ cũng yêu cầu tổ chức chủ trì phải phối hợp với Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh trên địa bàn để triển khai thực hiện các mô hình khuyến nông. Như vậy việc triển khai thực hiện sẽ đảm bảo phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, đồng thời khi mô hình kết thúc thì hệ thống khuyến nông địa phương sẽ tiếp tục duy trì, nhân rộng ra sản xuất đại trà.

4. Quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương

Để tăng cường công tác quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ Trung ương, Bộ đã có điều chỉnh trong việc phân công nhiệm vụ theo hướng tập trung, thống nhất như sau:

- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: (i) là đầu mối trong việc đề xuất, tổng hợp, xây dựng chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương; (ii) là đầu mối quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương sau khi Bộ phê duyệt: hướng dẫn triển khai thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; nghiệm thu kết quả thực hiện; tổng hợp, báo cáo Bộ.

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường: (i) là đầu mối thẩm định, trình Bộ phê duyệt chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương; (ii) là đầu mối trong việc nghiệm thu kết thúc và trình Bộ công nhận kết quả dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương.

5. Điều khoản chuyển tiếp

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị đang triển khai các dự án khuyến nông Trung ương (nhưng chưa kết thúc), tại Điều 19 của Thông tư mới có quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: *đối với những dự án khuyến nông Trung ương giai đoạn 2016 - 2018 và 2017 - 2019 đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục áp dụng theo quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BNNPTNT cho đến khi được nghiệm thu kết thúc.*

Trong thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia sẽ phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để xây dựng các văn bản hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Thông tư theo đúng quy định ■

BBT *(gt)*

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP CHUYÊN ĐỀ:

* "HIỆU QUẢ NUÔI CÁ LỒNG BỀN VỮNG TRÊN SÔNG, HỒ VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC"

Các đại biểu tham quan mô hình nuôi cá lồng bè theo VietGAP tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Ngày 10/11/2017, tại thành phố Hòa Bình, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề: "Hiệu quả nuôi cá lồng bền vững trên sông, hồ vùng Trung du miền núi phía Bắc".

Trong những năm gần đây, nghề nuôi cá lồng, bè trên sông tại một số tỉnh miền Bắc phát triển mạnh, đối tượng nuôi chủ yếu là các loài cá: lăng đen, rô phi, diêu hồng, chiên, ngạnh… Nghề nuôi cá lồng đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao sản lượng và tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân.

Theo thống kê của Tổng cục Thủy sản, năm 2016, số lượng lồng, bè nuôi cá của các tỉnh khu vực Trung du miền núi phía Bắc khoảng 11.643 lồng (tăng trên 50% so với năm 2015), sản lượng đạt 10.837 tấn. Trong đó tập trung nuôi chủ yếu tại các tỉnh Phú Thọ (sản lượng 3.890 tấn, chiếm 35,8%), Sơn La (sản lượng 2.189 tấn, chiếm 20,1%) và Hòa Bình (sản lượng 2.012 tấn, chiếm 18,5%). Tính đến tháng 9 năm 2017, khu vực Trung du miền núi phía Bắc có khoảng 17.733 lồng, sản lượng cá nuôi ước đạt 9.559 tấn.

Ông Kim Văn Tiêu - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đánh giá, nghề nuôi cá lồng bè có ưu thế dễ nuôi, dễ chăm sóc, dễ thu hoạch; đặc biệt cá nuôi lồng bè có chất lượng thịt thơm ngon, không có mùi bùn như nuôi trong ao, năng suất cao gấp 10 - 20 lần so với nuôi cá ở ao hồ. Tuy nhiên, nghề nuôi cá lồng, bè ở các địa phương vẫn chưa tận dụng và phát huy hết tiềm năng. Số lượng lồng bè và sản lượng nuôi tăng dần qua các năm nhưng sản phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa, chưa tạo thành sản phẩm hàng hóa tập trung để chế biến và xuất khẩu. Nghề nuôi phát triển một cách tự phát, không theo quy hoạch, chưa có sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nên dễ bị thương lái ép giá, hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, môi trường ngày càng ô nhiễm, sự biến động của thời tiết do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây ra những thiệt hại không nhỏ cho người nuôi…

Tại Diễn đàn, các đại biểu đã tập trung thảo luận về các nội dung liên quan đến việc nuôi cá lồng bền vững trên sông, hồ vùng Trung du miền núi phía Bắc, chú trọng đánh giá hiệu quả công tác chuyển giao và nhân rộng mô hình nuôi cá lồng; thực trạng và giải pháp phát triển nuôi cá lồng, bè tại một số địa phương; các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi cá lồng…

Phát biểu kết luận tại Diễn đàn, ông Kim Văn Tiêu đề nghị:

- Cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường quản lý chất lượng con giống, cơ sở sản xuất giống để có con giống chất lượng cao cho nông dân nuôi hiệu quả. Tăng cường quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, chất xử lý cải tạo môi trường tốt hơn.

- Các viện nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ để tạo ra các giống cá mới có chất lượng cao, sức đề kháng tốt, sạch bệnh, tiến tới kháng bệnh, nhanh lớn, hệ số thức ăn thấp, thịt thơm ngon, thị trường ưa chuộng.

- Các chi cục thủy sản, chi cục thú y, chi cục quản lý chất lượng: Quản lý chặt chẽ cá giống lưu hành trên thị trường

Chuyên gia tư vấn trực tiếp tại Diễn đàn

và cơ sở sản xuất con gống; quản lý chặt chẽ thuốc thú y, chế phẩm sinh học,… Thực hiện tốt quy hoạch nuôi cá lồng trên địa bàn, hướng dẫn người dân phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả. Quản lý chất lượng cá thương phẩm sản xuất và lưu hành trên thị trường.

- Trung tâm khuyến nông các tỉnh và các doanh nghiệp: Tập trung xây dựng các mô hình nuôi cá lồng đạt hiệu quả cao theo hướng an toàn thực phẩm gắn với thị trường với phương châm một người làm, ngàn người biết, trăm hộ học tập làm theo; đồng thời đẩy mạnh đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức nuôi trồng thủy sản cho cộng đồng người nuôi theo phương pháp cầm tay chỉ việc.

- Nông ngư dân: Tăng cường tham quan học hỏi, trao đổi giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với đơn vị chuyển giao, giữa nông dân với doanh nghiệp, giữa nông dân với chuyên gia để chia sẻ thông tin về khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, thị trường...; mạnh dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện liên kết sản xuất hình thành các nhóm, tổ hợp tác để hỗ trợ nhau cùng phát triển và tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm… làm từ nhỏ đến lớn; trong quá trình làm phải ghi chép nhật ký để truy xuất nguồn gốc sản phẩm và hạch toán hiệu quả kinh tế, đồng thời rút kinh nghiệm cho vụ sau.

- Các cơ quan báo chí trung ương và địa phương: Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền các mô hình hiệu quả, an toàn thực phẩm, các hộ dân nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao, liên kết sản xuất tốt,… để nhiều hộ, nhiều tỉnh biết đến học tập và làm theo ■

THU HẰNG - ÁNH NGUYỆT
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

* "PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRONG TIẾN TRÌNH TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP"

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh Phúc tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @Nông nghiệp với chủ đề: "Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp". Diễn đàn thu hút 285 đại biểu là đại diện các cơ quan: Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản, Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc và các đơn vị trực thuộc; trung tâm khuyến nông và 200 nông dân 7 tỉnh/thành phố khu vực phía Bắc (Quảng Ninh, Hà Nội, Hòa Bình, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai và Vĩnh Phúc). Tham dự và đưa tin có đại diện các cơ quan đơn vị thông tấn báo chí trung ương và địa phương.

Ban Chủ tọa diễn đàn

Trước khi diễn ra Diễn đàn, chiều ngày 16/11, các đại biểu đã đi thăm quan mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ rau an toàn tại Hợp tác xã Rau an toàn Visa tại xã Đại Từ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc và Hợp tác xã Rau an toàn Vân Hội Xanh, xã Vân Hội, huyện Tam Dương.

Xây dựng và phát triển các mối liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông sản là một chủ trương đúng đắn nhằm giúp sản xuất tập trung, nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng nhu cầu về số lượng lớn, chất lượng đảm bảo của thị trường trong nước và xuất khẩu, giúp người nông

dân nâng cao thu nhập và ổn định đời sống. Hiện nay đã có hàng trăm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó có nhiều mô hình liên kết đạt hiệu quả cao như: mô hình cánh đồng mẫu lớn trong sản xuất lúa, các mô hình HTX trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, AseanGAP, GlobalGAP...

Thảo luận tại Diễn đàn, các đại biểu chia sẻ: Cơ chế chính sách về hỗ trợ liên kết sản xuất của nhà nước khá đa dạng nhưng còn dàn trải, chưa tập trung giải quyết những yêu cầu cấp thiết trong tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Thị trường, kể cả nội địa và xuất khẩu đối với các mặt hàng nông sản thiết yếu và có thế mạnh của Việt Nam đang ngày càng rộng mở, khối lượng hàng hóa tiêu thụ cũng như giá trị sản phẩm ngày một tăng. Tuy nhiên, các thị trường ngày càng khó tính hơn, có yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, về an toàn vệ sinh thực phẩm…. Chính vì vậy, việc sản xuất và cung ứng các mặt hàng nông sản đang đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng của các bên liên quan trong chuỗi cung ứng gồm nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp... nhằm giữ vững uy tín thương hiệu, ổn định và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Kết luận Diễn đàn TS. Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng kết một số giải pháp tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp như sau:

- Các địa phương cần đẩy mạnh thông tin về quy hoạch vùng sản xuất, cập nhật thông tin thị trường trong và ngoài nước để có định hướng mở rộng sản xuất và liên kết tiêu thụ.

Các đại biểu tham quan Hợp tác xã Rau an toàn Vân Hội Xanh, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông các tỉnh để hỗ trợ người dân về quản lý sản xuất, quản trị doanh nghiệp, đẩy nhanh hình thành các tổ nhóm liên kết sản xuất, các Hợp tác xã theo yêu cầu của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Tăng cường liên kết để thúc đẩy chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, áp dụng các quy trình kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, sản xuất an toàn theo VietGAP, AseanGAP, GlobalGAP... đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng của đơn vị tiêu thụ sản phẩm và định hướng xuất khẩu.

- Đẩy mạnh phát triển xây dựng các mô hình liên kết giữa các doanh nghiệp, giữa các tổ nhóm, HTX sản xuất để chuyển đổi hình thức sản xuất tự tiêu thụ sang tiêu thụ theo hợp đồng.

- Xây dựng mô hình liên kết chuỗi theo chiều dọc từ cung cấp vật tư đầu vào, quy trình sản xuất, chế biến và bao tiêu sản phẩm, đồng thời đẩy mạnh xây dựng mô hình liên kết theo chiều ngang giữa các tổ nhóm sản xuất, hợp tác xã để hỗ trợ, phối hợp các khâu trong quá trình sản xuất.

- Xây dựng các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong vùng nguyên liệu và các trang trại vệ tinh để đảm bảo việc tiêu thụ sản phẩm và gia tăng lợi ích cho nông dân và doanh nghiệp.

Đề nghị Trung tâm khuyến nông các tỉnh tăng cường thông tin tuyên truyền, giới thiệu nhiều hơn nữa các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hiệu quả để nông dân tham quan học tập; đồng thời định hướng thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông nghiệp đặc trưng của địa phương, vùng, miền ■

NGUYỄN SÂM - ĐỖ TUẤN
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

PHÁT TRIỂN VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH NUÔI CÁ TRONG LỒNG, BÈ TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Toàn cảnh buổi hội thảo

Tiếp nối thành công của Dự án "Xây dựng mô hình nuôi cá lồng hồ chứa" từ năm 2013 đã giúp người nuôi thủy sản nhận thức được vai trò của các hồ chứa trong đời sống sinh hoạt và khả năng phát triển kinh tế của người dân, năm 2017, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tiếp tục triển khai dự án "Xây dựng mô hình nuôi cá tầm, cá lăng, cá diêu hồng trong lồng bè đảm bảo an toàn thực phẩm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc" giai đoạn 2017 - 2019.

Dự án đã xây dựng được 7 mô hình trình diễn, trong đó có 2 mô hình nuôi cá tầm, 3 mô hình nuôi cá diêu hồng và 2 mô hình nuôi cá lăng. Hiện cá tầm đạt trọng lượng bình quân 1 - 1,2 kg/con; tỷ lệ sống đạt khoảng 72%; cá diêu hồng đạt từ 500 - 600 kg/con; tỷ lệ sống khoảng 80%, năng suất thu được trên 44 kg/m^3; cá lăng đạt 1,2 kg/con, tỷ lệ sống đạt trên 80%.

Vừa qua, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Hòa Bình tổ chức hội thảo "Đánh giá hiệu quả và khả năng nhân rộng dự án nuôi cá lồng bè trên sông và hồ chứa đảm bảo an toàn thực phẩm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc". Tại Hội thảo, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia Kim Văn Tiêu cho biết: Miền núi phía Bắc là vùng có nhiều tiềm năng và lợi thế lớn để phát triển thủy sản, nhất là nghề nuôi cá lồng trên sông, hồ. Những năm gần đây, nghề nuôi cá lồng bè trên hồ chứa ở các tỉnh trong vùng phát triển rất mạnh, có ý nghĩa rất lớn về cả mặt kinh tế, xã hội và môi trường, vừa giúp bà con tận dụng diện tích mặt nước ở các hồ chứa vốn bỏ không, vừa tạo công ăn việc làm cho bà con dân tộc thiểu số, giúp họ có thu nhập cao hơn nuôi cá trong ao hồ thông thường. Đối tượng nuôi có giá trị cao được đưa vào nuôi thâm canh như: cá chiên, cá lăng, cá bỗng, cá trắm đen, cá rô phi, cá tầm, cá lóc, cá vược… được phát triển mạnh.

Tại tỉnh Hòa Bình, các mô hình nuôi cá lồng trên vùng hồ sông Đà phát triển khá mạnh, có 4.050 lồng nuôi, một số điểm nuôi tập trung được hình thành ở các nơi như: Thái Thịnh (thành phố Hòa Bình), Thung Nai (huyện Cao Phong), Hiền Lương (huyện Đà Bắc); Ngòi Hoa (huyện Tân Lạc); Phúc Sạn (huyện Mai Châu) ... Tất cả doanh nghiệp đều đầu tư hệ thống lồng lưới, khung sắt chắc chắn (chiếm 60% tổng số lồng nuôi), mỗi lồng có thể tích từ 100 - 120m^3, sản lượng khi thu hoạch đạt 4 - 4,5 tấn cá/lồng. Công ty TNHH Thủy sản Hải Đăng có quy mô nuôi lớn với 160 lồng trên khu vực hồ Hòa Bình được áp dụng công nghệ tiên tiến. Đối tượng nuôi chủ yếu là cá lăng, vược, chép giòn, trắm giòn..., sản lượng khoảng 300 tấn/năm. Quy trình nuôi nghiêm ngặt từ khâu chọn giống đến quá trình chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm, thức ăn cho cá hoàn toàn là thức ăn tự chế biến từ cá tạp thu gom và bột đậu tương nhập khẩu từ Úc. Công ty đã xây dựng được 30 cửa hàng thực phẩm sạch để cung cấp cho các nhà hàng, khách sạn tại thị trường Hà Nội và một số tỉnh trong vùng, mỗi tháng tiêu thụ 15 - 25 tấn cá. Công ty là một trong những doanh nghiệp tham gia chương trình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá sông Đà theo chuỗi giá trị.

Từ những thành công của các doanh nghiệp, hiện nay, nhiều hộ gia đình cũng đã đầu tư làm lồng lưới khung sắt để nuôi cá. Tuy nhiên, nghề nuôi cá lồng bè cũng gặp nhiều khó khăn như chất lượng giống chưa cao nên mới đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu về giống, chưa hình thành được chuỗi liên kết, chuỗi giá trị sản phẩm.

Tại Hội thảo, ông Hoàng Văn Hợp ở xã Bế Triều, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng chia sẻ: Gia đình đã nuôi cá lồng hơn 10 năm, đối tượng nuôi chủ yếu là cá rô phi nhưng vẫn phải ra chợ bán, giá bán lại thấp nên thu lãi chẳng được là bao. Từ khi được tham gia mô hình, ông đã được tiếp cận với tiến bộ kỹ thuật và đối tượng nuôi mới (cá lăng), đến nay cá đạt cỡ 1 kg/con, tỷ lệ sống 85%, sản phẩm đã có đầu ra và dự kiến sẽ thu lãi cao gấp đôi so với nuôi cá rô phi.

Tổng kết Hội thảo, ông Kim Văn Tiêu PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia nhận định: Nuôi cá lồng bè trên hồ chứa là mô hình nuôi mới tại một số địa phương như: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lai Châu, Lào Cai và Điện Biên, đặc biệt đối với một số đối tượng thủy đặc sản cá lăng và cá tầm. Do vậy, người nuôi chưa có nhiều kinh nghiệm về kỹ thuật thiết kế lồng bè, lựa chọn vị trí nuôi và kỹ thuật nuôi nên trong quá trình triển khai mô hình còn gặp nhiều vướng mắc ở các bước xử lý kỹ thuật, đặc biệt khâu phòng và trị bệnh cho cá nuôi.

Một số giải pháp nhằm phát triển mô hình nuôi cá lồng bè trên sông và hồ chứa đạt hiệu quả hơn, đó là:

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng cá giống. Đầu tư nghiên cứu sinh sản nhân tạo các loại giống thủy sản nước ngọt chất lượng, năng sất cao, sức đề kháng tốt, kháng bệnh.

- Tăng cường tập huấn kỹ thuật, tổ chức các điểm trình diễn mô hình nuôi cá lồng bè trên sông và hồ chứa cho nông dân tham quan, học hỏi kinh nghiệm, nhằm tăng hiệu quả sản xuất.

- Nhân rộng mô hình nuôi cá lồng trên sông và hồ chứa ngoài đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm cần đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng thương hiệu cho sản phẩm và xúc tiến thương mại để sản phẩm sản xuất ra có thị trường tiêu thụ và phát triển bền vững. Xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã, mô hình nuôi theo chuỗi giá trị, sản phẩm sản xuất ra cần phải có chỉ dẫn địa lý, đăng ký chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu để có thị trường đầu ra bền vững. Với những tiềm năng, lợi thế về địa lý, đặc điểm khí hậu, điều kiện môi trường của vùng Trung du miền núi phía Bắc, cùng sự hỗ trợ về cơ chế chính sách, liên kết sản xuất của doanh nghiệp và người nuôi cá, hy vọng nghề nuôi cá lồng trong lồng bè sẽ ngày càng phát triển và dự án "Xây dựng mô hình nuôi cá tầm, cá lăng, cá diêu hồng trong lồng bè đảm bảo an toàn thực phẩm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc" sẽ thành công và có khả năng nhân rộng mô hình ra toàn vùng ■

THU HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

ÁP DỤNG CÁC TIẾN BỘ KHOA HỌC TRỒNG RỪNG GỖ LỚN MỌC NHANH TẠI MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG

Sáng ngày 31/10, tại Trung tâm hội nghị tỉnh Hòa Bình, Trung tâm khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Trung tâm khuyến nông Hòa Bình tổ chức Hội nghị "Sơ kết 2 năm thực hiện dự án xây dựng và phát triển mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung". Tham gia hội nghị có lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường; Tổng cục Lâm nghiệp; lãnh đạo Trung tâm khuyến nông các tỉnh: Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Cao Bằng, Bắc Kạn, Bắc Giang, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Yên Bái, Hòa Bình

Ông Trần Văn Khởi - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phát biểu tại hội nghị

cùng đông đảo bà con nhân dân tham gia trồng rừng tại địa phương.

Những năm qua diện tích rừng trồng của các tỉnh miền Bắc và miền Trung tăng lên đáng kể. Người dân chủ yếu trồng rừng chu kỳ kinh doanh ngắn từ 5- 8 năm (có nơi 4 tuổi đã khai thác), cung cấp gỗ nhỏ làm

nguyên liệu giấy, dăm gỗ... Số mô hình trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn ở một số tỉnh còn rất ít, diện tích nhỏ; do vậy sản lượng khai thác cũng không cao, trung bình từ 70 - 150m^3/ha. Công tác giống trong lâm nghiệp chưa được quan tâm, giống đưa vào sản xuất là giống nhân bằng hạt nên đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng rừng. Phần lớn các hộ dân còn trồng rừng theo phương thức quảng canh, trồng rừng theo phong trào, chưa xác định rõ mục đích kinh doanh. Theo thói quen và nhận thức, nhiều hộ nông dân đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số vẫn chưa áp dụng đúng và đồng bộ quy trình kỹ thuật, sử dụng nguồn giống không rõ xuất xứ, không đảm bảo yêu cầu về mặt chất lượng, cơ cấu loài cây nhiều nơi chưa phù hợp, công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất chưa được đẩy mạnh. Từ đó dẫn đến việc chưa khai thác được thế mạnh đất lâm nghiệp tại địa phương, thu nhập của người sản xuất lâm nghiệp còn thấp, chưa xứng với công sức và vốn đầu tư.

Thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp làm tăng giá trị sản phẩm lâm nghiệp, trong đó thực hiện áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong phát triển cây gỗ lớn là giải pháp kỹ thuật được áp dụng để người dân nhìn nhận và thay đổi nhận thức về kỹ thuật trồng rừng kinh doanh. Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phê duyệt dự án "Xây dựng và phát triển mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh", dự án đang được triển khai thực hiện tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước.

Mục tiêu của Dự án là: Xây dựng và chuyển giao đồng bộ về kỹ thuật, giống, quy trình, chăm sóc các giống: Mỡ; Bạch đàn lai (UP54, UP99); Keo lai (BV10, BV16, BV32) được công nhận và kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn nhằm tăng năng suất lên 20% so với các giống đại trà và tăng thu nhập cho người trồng rừng sau 12 - 15 năm.

Các đại biểu tham quan mô hình trồng keo lai tại xã Tử Nê, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

Tại Hội nghị, các đại biểu được nghe báo cáo của hai tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa - nơi đang thực hiện trồng các giống keo lai BV10, BV16 và BV32. Các giống keo này được đánh giá là rất phù hợp với đất đai và khí hậu tại địa phương, cây phát triển tốt, không bị cụt ngọn, không bị sâu bệnh, cây sinh trưởng mạnh gấp 1,5 - 2 lần giống keo cũ tại địa phương. Kết quả thực tế khi tham quan đồi keo lai tại xã Tử Nê, huyện Tân Lạc, Hòa Bình, các đại biểu cùng bà con nông dân đã thấy được hiệu quả rõ rệt của mô hình được triển khai như: đường kính cây và chiều cao cây lớn nhanh vượt trội, không bị sâu bệnh... so với mô hình ngoài Dự án. Bên cạnh đó, Hội nghị còn được nghe nhiều tham luận từ các địa phương và bà con nông dân về các mô hình bà con đã triển khai với nhiều vấn đề liên quan đến giống, phân bón, kỹ thuật canh tác...

Ông Trần Văn Khởi - Quyền Giám đốc Trung tâm khuyến nông Quốc gia đánh giá: Trong 2 năm (2016 - 2017) triển khai, Dự án thực hiện tại 10 tỉnh đã trồng được 650 ha rừng gỗ lớn, trong đó có 144 ha mỡ, 182 ha bạch đàn lai, 324 ha keo lai. Tập huấn cho 976 lượt người trong và ngoài mô hình, xây dựng được 34 pano quảng bá mô hình. Thời gian tới cần nhân rộng mô hình trồng rừng gỗ lớn để tạo nguồn nguyên liệu trong nước phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến lâm sản. Đối với các địa phương, cần có kế hoạch nhân rộng mô hình trồng rừng gỗ lớn ra diện rộng; Tổ chức các cuộc tham quan chéo để nông dân có cơ hội học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình trồng rừng gỗ lớn thâm canh đã triển khai thành công ■

ĐÌNH THỦY - ĐỖ TUẤN
Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình

"XÂY DỰNG MÔ HÌNH LIÊN KẾT NUÔI CÁ RÔ PHI THEO VIETGAP GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM"

Ngày 23 - 24/11/2017, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Thái Bình tổ chức Hội thảo Sơ kết dự án "Xây dựng mô hình liên kết nuôi cá rô phi theo VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm năm 2016 -2017".

Tham dự Hội thảo có đại diện Vụ Nuôi trồng thủy sản; lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Bình; đại diện lãnh đạo và cán bộ của Trung tâm Khuyến nông 11 tỉnh: Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh... cùng đông đảo bà con nông - ngư dân.

Năm 2016, Dự án đã xây dựng Mô hình nuôi cá rô phi theo VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm tại 5 tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An. Mô hình đã vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra như tỷ lệ sống đạt gần 80% (so với chỉ tiêu 70%); năng suất đạt 17,2 tấn/ha (so với chỉ tiêu là 14 tấn/ha), tăng 15,7 %; kích cỡ thu hoạch đạt trung bình 720 gam/con (so với chỉ tiêu là 650 gam/con, vượt 10,3%). Ngoài ra, các hộ còn tận dụng thả thêm tôm thẻ chân trắng để nuôi ghép trong ao và mang lại năng suất 700 kg/ha/vụ. Do đó, lợi nhuận cuối vụ đạt 149,316 triệu đồng/ha, so với nuôi ghép cá rô phi và cá mè chỉ đạt gần 94.000.000 đồng/ha.

Năm 2017, dự án triển khai tại 7 tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh: Mô hình thả nuôi với mật độ 3 con/m^2, hệ số thức ăn 1,4. Các mô hình cho kết quả tốt, tỷ lệ sống đạt gần 75%, (so với chỉ tiêu đề ra là 70%); năng suất đạt 16,7 tấn/ha, tăng 19,2 % so với yêu cầu; kích cỡ thu hoạch đạt trung bình 750 gam/con (so với kế hoạch là 650 gam/con, vượt 15,3%).

Các đại biểu tham quan mô hình nuôi cá rô phi tại xã Thụy Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Trải qua 2 năm xây dựng mô hình, với các kết quả khả quan đã đạt được - mỗi mô hình triển khai cho lợi nhuận trên 90 triệu đồng/ha, Dự án đã tác động tích cực đến người nuôi thủy sản nước ngọt nói chung và nuôi cá rô phi tại các tỉnh miền Bắc nói riêng. Đặc biệt, một số hộ dân còn mạnh dạn đầu tư thả xen ghép tôm thẻ chân trắng mang lại lợi nhuận tăng thêm trên 30 triệu đồng/ha mà không phải đầu tư thêm thức ăn.

Tại hội thảo, các đại biểu đã trao đổi, chia sẻ nhiều nội dung liên quan đến kỹ thuật nuôi cá rô phi theo VietGAP, cách sử dụng chế phẩm sinh học, sử dụng thức ăn, nuôi ghép các đối tượng, phòng trị bệnh, đặc biệt là vấn đề liên kết với doanh nghiệp tìm thị trường đầu ra lâu dài, bền vững cho sản phẩm cá rô phi.

Qua ý kiến của các đại biểu tham dự Hội thảo, ông Kim Văn Tiêu - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia - Chủ nhiệm dự án đề xuất:

Cơ quan quản lý ngành nông nghiệp cần tăng cường quản lý chất lượng giống cá rô phi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật để hạ giá thành con giống giúp tăng hiệu quả nuôi cho nông dân quản lý tốt chế phẩm sinh học, chất xử lý cải tạo môi trường; xúc tiến thị trường đảm bảo đầu ra bền vững;

Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, doanh nghiệp: tiếp tục xây dựng mô hình có hiệu quả, tổ chức đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền an toàn vệ sinh thực phẩm cho bà con học tập và làm theo với phương châm một người làm, ngàn người biết, hàng trăm hộ học tập, làm theo. Bà con nông ngư dân tích cực tham quan, học hỏi các mô hình hiệu quả và rút kinh nghiệm để triển khai các mô hình của gia đình; Chuẩn bị đầy đủ vật chất và kỹ thuật để triển khai; thực hiện từ nhỏ đến lớn; ghi chép nhật ký đầy đủ để cơ quan chức năng truy xuất được nguồn gốc giống, vật tư, hạch toán kinh tế, rút kinh nghiệm cho vụ sau ■

TĂNG MỸ TRANG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI: GÓP PHẦN TĂNG HIỆU QUẢ KINH TẾ, THU NHẬP CHO NÔNG DÂN

Ngày 15/11/2017, tại thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa tổ chức Hội nghị Sơ kết Dự án "Xây dựng mô hình cải tạo chất lượng đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và vỗ béo bò thịt đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao tại các vùng chăn nuôi chính". Hội nghị có sự tham dự của gần 100 đại biểu đến từ các đơn vị tham gia thực hiện dự án tại các tỉnh: Lào Cai, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hòa Bình, Nghệ An và Đắk Lắk; Đại diện lãnh đạo và đông đảo bà con nông dân thị xã Bỉm Sơn.

Các đại biểu tham quan mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo năm 2017, tại phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đến thời điểm hiện tại, Dự án đã triển khai 9 mô hình, 18 điểm trình diễn với quy mô 616 con bò cái được cải tạo và 1.025 bò được vỗ béo trên địa bàn các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Nghệ An, Thanh Hóa, Hòa Bình, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Lào Cai.

Đối với mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo: Tính đến cuối năm 2017, đã có 616 bò được thụ tinh nhân tạo, và đầu năm 2018 sẽ cho ra đời 616 con bê lai. Mỗi bò lai 1 tuổi có giá trị cao hơn bò nội khoảng 6 - 6,5 triệu đồng/con. Phương pháp nhân giống bằng thụ tinh nhân tạo giúp tăng nhanh đàn bò, cải thiện khả năng di truyền, cho phép sử dụng rộng rãi những đực giống có năng suất cao, cải thiện năng suất, chất lượng các thế hệ đời sau.

Đối với mô hình bò vỗ béo: Sau 3 tháng vỗ béo cho thấy, do bò được tiêm tẩy nội ngoại ký sinh trùng trước khi vỗ béo và cho thức ăn tinh kết hợp với thức ăn xanh một cách hợp lý nên bò tăng trọng nhanh, bình quân đạt 740,1g/con/ngày, vượt so với yêu cầu 40,1g/con/ngày (tương ứng 5,7%). Tại tỉnh Hòa Bình, mỗi con bò sau 3 tháng vỗ béo cho lãi từ 3 - 3,5 triệu đồng; hiệu quả kinh tế tăng 12 - 15% so với các hộ không tham gia dự án.

Trước khi triển khai, Dự án đã đề ra các tiêu chí cụ thể, chi tiết việc chọn hộ, chọn điểm trên nguyên tắc đúng đối tượng, công khai và minh bạch các chính sách hỗ trợ và ưu tiên các xã xây dựng nông thôn mới. Các hộ tham dự án phải có khả năng đối ứng và cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, điều kiện chuồng trại đảm bảo hợp vệ sinh, có kinh nghiệm trong nuôi bò, có khả năng tiếp thu và thực hiện quy trình công nghệ của dự án. Bên cạnh đó, các địa phương đưa thêm các tiêu chí khác như: mỗi hộ tham gia có 2 - 3 sào cỏ (sào bắc bộ), có 2 - 3 nhân khẩu chính trong độ tuổi lao động.

Với mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, tiêu chí hàng đầu là có bò cái nền đạt tiêu chuẩn, trong độ tuổi sinh sản, lựa chọn các xã có tỷ lệ bò lai thấp, chủ yếu đang được thực hiện bằng phương pháp phối giống trực tiếp, chưa hoặc ít áp dụng phương pháp phối giống bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo. Đối với mô hình vỗ béo bò thịt, có bò đảm bảo đúng đối tượng, không sử dụng vào mục đích cày kéo, vắt sữa, sinh sản.

Dự án triển khai tại địa bàn miền núi với mức hỗ trợ của Nhà nước là 50% vật tư, phần còn lại người dân tự đối ứng. Cụ thể mức hỗ trợ của Nhà nước cho 01 con bò cái nền có chửa: 120 kg thức ăn hỗn hợp, 0,5 liều tinh, 0,5 lít nitơ, gang tay + ống gen: 0,5 bộ. Mức hỗ trợ cho 01 bò vỗ béo: 135 kg thức ăn hỗn hợp, 0,5 liều thuốc nội ký sinh trùng, 0,5 liều thuốc ngoại ký sinh trùng và 0,5 liều sán lá gan. Bên cạnh đó, tại mỗi điểm trình diễn sẽ có 2 cán bộ chỉ đạo kỹ thuật có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho các hộ dân.

Áp dụng phương pháp nhân giống bằng thụ tinh nhân tạo sẽ giúp tăng nhanh đàn bò địa phương

Chị Trịnh Thị Hòa - hộ tham gia mô hình tại phường Bắc Sơn cho biết, dự án giúp các hộ gia đình nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị trong chăn nuôi bò. Bò trong mô hình có ngoại hình đẹp, nhanh lớn, sau 8 tháng nuôi có thể xuất bán. Bản thân chủ hộ nắm vững được phương pháp phát hiện động dục, quy trình phối giống nhân tạo… Bà con đều mong muốn dự án sẽ tiếp tục được triển khai và nhân rộng hơn đến nhiều hộ gia đình và các địa phương trong tỉnh.

Phát biểu tại hội nghị, ông Nguyễn Viết Thái. Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa cho biết, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, tỷ lệ bò lai thuộc chương trình dự án tăng lên rõ rệt. Cụ thể, tại phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn đàn bò lai tăng từ 49,89% lên 76,15%; tại xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành tăng từ 46,92% lên 61,58%. Kết quả bước đầu của dự án được đông đảo bà con nông dân đón nhận, đánh giá cao, mô hình có khả năng nhân ra diện rộng.

TS. Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia khẳng định, việc ứng dụng thụ tinh nhân tạo là tiền đề nhằm nâng cao chất lượng bộ giống Quốc gia. Sử dụng kỹ thuật vỗ béo trong chăn nuôi gia súc mang lại hiệu quả cao, công nghệ chuyển giao đơn giản, dễ thực hiện, rút ngắn thời gian nuôi, giá trị kinh tế tăng 10 - 15% so với phương thức truyền thống. Do vậy, việc triển khai dự án là cần thiết tại các vùng chăn nuôi chính, góp phần chuyển hướng chăn nuôi sang hình thức bán thâm canh và thâm canh hàng hóa.

Tuy việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi của người dân còn hạn chế, do tập quán chăn nuôi bò chủ yếu là bán chăn thả, thả rông trên đồi núi nên việc phát hiện động dục và phối giống cho bò gặp nhiều khó khăn; nhiều địa phương chưa áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho đàn bò và vỗ béo bò thịt nên người dân còn bỡ ngỡ trong việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật áp dụng vào mô hình nhưng từ hiệu quả kinh tế bước đầu đạt được cho thấy, dự án hoàn toàn có khả năng nhân ra diện rộng, giải quyết nhu cầu xã hội về việc làm nông thôn.

Thông qua các hoạt động như tập huấn, tham quan hội thảo sẽ tác động tích cực đến người dân trong vùng; người dân được trang bị kiến thức cơ bản về "Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bò", "Kỹ thuật vỗ béo bò thịt", tạo thành nghề có thu nhập ổn định, nâng cao đời sống của các hộ dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân ■

HẢI ĐƯỜNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Thực hiện Dự án "Nhân rộng các mô hình Khuyến nông có hiệu quả tại các xã thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020",Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long đã triển khai các mô hình khuyến nông hỗ trợ cho các xã thuộc vùng khó khăn trên địa bàn của tỉnh. Dự án được triển khai với mục tiêu nâng cao kiến thức sản xuất cho các hộ nông dân, giúp họ sản xuất ngày càng có hiệu quả, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định cuộc sống.

Dự án hỗ trợ cho nông dân dưới nhiều hình thức như trực tiếp hỗ trợ cây trồng và vật nuôi thông qua các mô hình trồng nấm rơm, nuôi dê, nuôi gà, nuôi cá trê vàng…Trong đó, hai mô hình hỗ trợ nông dân nghèo trồng nấm rơm, nuôi cá trê vàng đã mang lại hiệu quả tích cực. Nhờ chương trình hỗ trợ, nhiều hộ nghèo đã có thêm điều kiện cải thiện và tăng thu nhập cho gia đình. Kết quả cho thấy, các mô hình đã giúp các hộ gia đình tận dụng được thời gian, lao động nhàn rỗi và nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương để sản xuất. Cũng từ đây, không ít hộ dân đã nắm bắt được kỹ thuật canh tác trong trồng trọt, chăn nuôi để áp dụng vào phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Là một trong các hộ tham gia mô hình khuyến nông hỗ trợ cho các xã khó khăn, anh Thạch Biết ở ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn cho biết: "Dự án đã giúp 8 thành viên trong gia đình anh có thêm công ăn việc làm, phát triển kinh tế để vươn lên thoát nghèo". Anh tâm đắc nhất với mô hình trồng nấm rơm và nuôi cá trê vàng vì không đòi hỏi ở nông dân trình độ và kỹ thuật cao, lại phù hợp với điều kiện canh tác ở địa phương. Với 1ha trồng nấm rơm, chỉ sau hơn 1 tháng đã cho gia đình anh gần 10 triệu đồng. Đặc biệt,

VĨNH LONG: NHÂN RỘNG CÁC MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG CHO CÁC XÃ THUỘC VÙNG KHÓ KHĂN

từ khi được tham gia mô hình khuyến nông, được các cán bộ khuyến nông trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật, động viên và chia sẻ, bà con rất có ý thức vươn lên trong cuộc sống và sử dụng nguồn hỗ trợ từ chương trình khá hiệu quả.

Ông Nguyễn Thanh Bình, Chủ tịch Hội Nông dân xã Trà Côn cho biết, được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông tỉnh thông qua Dự án hỗ trợ người nghèo, chính quyền địa phương đã tiến hành bình xét, lựa chọn những hộ nghèo đúng đối tượng được thụ hưởng chương trình này để tham gia, tránh lựa chọn những đối tượng không phù hợp, ảnh hưởng đến chính sách hỗ trợ của dự án. Đến nay, dự án đang được triển khai khá hiệu quả ở địa phương.

Ngoài việc hỗ trợ con giống, các cán bộ của Trung tâm Khuyến nông tỉnh và Trạm khuyến nông huyện còn trực tiếp triển khai các lớp tập huấn, nâng cao kiến thức kỹ thuật về cây trồng, vật nuôi, con giống, phương tiện sản xuất phù hợp với điều kiện của từng địa phương cho hộ dân. Qua các buổi tập huấn này, những hộ dân còn thiếu kiến thức kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất có điều kiện để tái đầu tư, nhân rộng mô hình, góp phần giảm tỉ lệ hộ nghèo ở địa phương.

Đến nay, các mô hình khuyến nông đã triển khai đồng loạt tại các địa phương đúng theo kế hoạch của dự án. Qua công tác kiểm tra thực tế tại các chủ hộ nhận thực hiện mô hình cho thấy, kết quả bước đầu rất khả quan. Bà con tham gia mô hình đã áp dụng đúng kỹ thuật được tập huấn nên tỷ lệ thành công

của mô hình cao. Chính quyền địa phương cũng quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để mô hình đạt hiệu quả cao nhất.

Từ những kết quả ban đầu của dự án, có thể nói bài học quyết định sự thành công của mô hình khuyến nông nói chung và mô hình khuyến nông cho các xã khó khăn nói riêng là việc lựa chọn đúng đối tượng hộ dân tham gia. Đặc biệt, Dự án ưu tiên những đối tượng là hộ nghèo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và được chính quyền địa phương bình xét công khai, dân chủ. Cách tổ chức, quản lý thực hiện mô hình và phương pháp tập huấn kỹ thuật trước khi thực hiện mô hình phải thật cụ thể để bà con áp dụng tốt nhất quy trình kỹ thuật vào sản xuất. Từ những thành công ban đầu này, tin tưởng rằng, các mô hình khuyến nông cho các xã thuộc vùng khó khăn của tỉnh Vĩnh Long sẽ còn nhân rộng và thành công hơn nữa ■

NGUYỄN VĂN BÌNH
Trạm Khuyến nông huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Các mô hình khuyến nông được nhân rộng và thành công tại các xã khó khăn của tỉnh Vĩnh Long

BÌNH ĐỊNH: HIỆU QUẢ MÔ HÌNH NUÔI CUA XANH THƯƠNG PHẨM

Cua xanh là một trong những đối tượng thủy sản nước lợ có giá trị kinh tế cao. Những năm gần đây, do nhu cầu tiêu thụ cua trong nước và xuất khẩu tăng nên nghề nuôi cua đã phát triển ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, nuôi cua từ nguồn giống tự nhiên gặp nhiều hạn chế, không chủ động được số lượng và chất lượng; Vì vậy, sử dụng cua giống nhân tạo là giải pháp phù hợp và kịp thời cho nghề nuôi cua thương phẩm trong giai đoạn hiện nay.

Năm 2017, Trung tâm Khuyến nông Bình Định đã phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện Hoài Nhơn triển khai thực hiện mô hình "*Nuôi cua xanh thương phẩm từ cua 1, cua 2*" tại ao nuôi diện tích 5.000 m^2 của anh Trần Tuấn Vũ ở xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn. Mô hình được thực hiện trong thời gian 5 tháng (từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2017). Các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ 100% con giống; 30% thức ăn, thuốc thú y, hóa chất xử lý ao nuôi và được tập huấn chuyển giao kỹ thuật nuôi cua xanh thương phẩm.

Theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, anh Vũ đã thực hiện các bước gồm: tháo cạn nước, gia cố bờ ao, bón vôi cải tạo ao nuôi và gây màu nước để thả nuôi cua. Anh dùng các bẹ dừa khô làm chà thả đều khắp ao nuôi. Thả chà nhiều hơn ở khu vực gần bờ để tạo nơi trú ẩn cho cua cũng như tránh việc cua ăn nhau trong giai đoạn lột xác. Xung quanh bờ ao, anh dùng lưới rào nghiêng về phía trong ao một góc 60^0, cao 0,5 m để tránh cua bò ra ngoài.

Cua giống do Trung tâm Giống thủy sản Bình Định cung ứng, được thả nuôi với mật độ 2 con/m^2. Cua có kích thước đồng đều 0,5 - 0,7 cm. Cua khỏe mạnh, linh hoạt không bệnh tật, dị hình; màu sắc tươi sáng, đầy đủ các phần phụ.

Thức ăn cho cua là các loại cá khai thác giã cào, cá tạp nước lợ còn tươi sống... được rửa sạch và hấp chín. Lượng thức ăn hàng ngày được chia làm 2 - 4 lần tuỳ theo giai đoạn cua nuôi, cho ăn buổi tối nhiều hơn buổi sáng (lượng thức ăn hàng ngày khoảng 4 - 6% tổng khối lượng cua trong ao). Thức ăn được rải đều trong ao, tránh rải tập trung sẽ khiến cua tranh nhau thức ăn. Lượng thức ăn được điều chỉnh sao cho phù hợp với kích cỡ, giai đoạn phát triển của cua hoặc sự thay đổi thời tiết, môi trường nuôi. Cua thường giảm ăn khi lột xác hay khi thời tiết thay đổi bất thường, vào thời điểm này anh Vũ giảm lượng thức ăn nhằm tránh lãng phí và ô nhiễm nguồn nước.

Ao nuôi cua xanh thương phẩm tại xã Tam Quan Nam

Sau 5 tháng thả nuôi, cua đạt tỷ lệ sống trên 40%, trọng lượng bình quân đạt 270 gam/con, sản lượng thu hoạch 1.080 kg, năng suất ước đạt 2,16 tấn/ha. Với giá bán bình quân 150.000 đồng/kg, sau khi trừ các khoản chi phí, còn lãi ròng 44 triệu đồng.

Anh Vũ cho biết thêm: "Khi nhận thực hiện mô hình, tôi khá lo lắng vì đang mùa nắng nóng không phải chính vụ, cua dễ mắc bệnh. Tuy nhiên, nguồn cua giống do Trung tâm Giống thủy sản cung ứng có chất lượng tốt, độ đồng đều cao, trong quá trình nuôi không thấy xuất hiện bệnh, đối tượng nuôi lại phù hợp với điều kiện vùng nuôi nên khả năng sinh trưởng và phát triển tốt, kích cỡ cua thương phẩm đồng đều nên mô hình đạt kết quả cao hơn so với dự kiến".

Mô hình không những mang lại lợi ích kinh tế cho hộ dân tham gia mà còn tạo điều kiện cho nhiều bà con được tham quan, học tập. Từ mô hình này, bà con tiếp thu, học hỏi được nhiều kiến thức thực tiễn để có thể mạnh dạn đầu tư phát triển nghề nuôi cua theo hướng bền vững, an toàn môi trường. Trong thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông tỉnh khuyến cáo nhân rộng mô hình tại nhiều vùng khác trong tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, ổn định đời sống vật chất - tinh thần cho người nuôi, đồng thời giải quyết tốt bài toán môi trường cho nghề nuôi thủy sản ■

THÀNH NGUYÊN
Trung tâm Khuyến nông Bình Định

Các đại biểu tham quan mô hình nuôi cua xanh sau 5 tháng thả nuôi

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC LỚP HỌC THỰC HÀNH CHO NÔNG DÂN

Phương pháp huấn luyện đào tạo thực hành ngoài đồng ruộng cho nông dân viết tắt của tiếng Anh là FFS (Famer Field School). Phương pháp này được Tổ chức Nông Lương - Liên Hiệp Quốc FAO triển khai từ những năm 1992 -1996, thực hiện đầu tiên tại các tỉnh phía Bắc.

Trong khoảng thời gian này, tại Hà Nội, đã tổ chức 3.682 lớp FFS với sự tham dự của 95.603 nông dân. Tại các lớp học này, nông dân được học hỏi, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và thực hành trực tiếp trên đồng ruộng. Mỗi lớp học đều diễn ra trong cả một vụ cây trồng. Các khoá học này đã giúp nông dân hạn chế tới 80% thuốc bảo vệ thực vật so với những vụ cây trồng thông thường, tổng chi phí cho sản xuất giảm tới 50%.

Vào những năm 2005 - 2006, Trung tâm bảo vệ thực vật phía Nam đã phối hợp với tổ chức nước ngoài triển khai các khoá học FFS cho nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trên đối tượng cây có múi với 2.245 nông dân tham gia. Kết quả đã giúp cho các nhà vườn áp dụng các giải pháp kỹ thuật mới, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật cho vườn cây ăn trái và tăng lợi nhuận cho hộ nông dân.

Theo hướng dẫn của các chuyên gia, phương pháp tập huấn FFS là phương pháp yêu cầu người nông dân phải tham dự cả khoá học diễn ra trong một mùa vụ cây trồng hoặc quá trình phát triển của vật nuôi. Khoá học sẽ chia thành nhiều buổi hoặc nhiều ngày dựa vào tính cần thiết và quan trọng của mỗi giai đoạn phát triển của cây trồng hoặc con vật nuôi. Qua các hoạt động quan sát, trao đổi, chia sẻ và thực hành ngay trên cây,

Tập huấn kỹ thuật "3 giảm, 3 tăng" cho lúa theo phương pháp FFS, tại tỉnh Sóc Trăng

con trong thực tế; người tham gia được nâng cao kiến thức kỹ năng từ những hoạt động ngoài hiện trường. Từ đây, học viên có thể tự phân tích, lựa chọn và áp dụng những gói kỹ thuật phù hợp vào quá trình sản xuất.

Chính vì vậy, nếu áp dụng phương pháp FFS không đúng như: thời gian học không đủ, bố trí thời điểm không thích hợp, lý thuyết không gắn với thực tiễn, thời gian thực hành hạn chế và hướng dẫn không đúng cách sẽ không đạt được mục đích, yêu cầu đề ra, không giúp người tham gia tìm ra được giải pháp thích hợp để áp dụng làm theo.

Để thực hiện phương pháp tập huấn lớp học thực hành cho nông dân ngoài đồng ruộng đạt hiệu quả cao, có một số lưu ý mà ban tổ chức cần quan tâm đó là:

- Đối tượng tham gia

Cần tiến hành khảo sát nhu cầu trước khi thực hiện. Vì chỉ những người quan tâm và có nhu cầu mới thấy được sự bổ ích của lớp học, qua đó họ sẽ mạnh dạn áp dụng những kiến thức đã tiếp thu vào sản xuất. Trong thời gian học, nên cố định các hộ nông dân tham, không thay đổi, vì sẽ giúp bà con nắm bắt kỹ thuật đầy đủ hơn, từ đó hiệu quả khi áp dụng vào sản xuất cũng cao hơn.

- Mô hình tham quan học tập và thực hành

Muốn thực hiện hiệu quả các lớp tập huấn kỹ thuật theo phương pháp FFS, điều quan trọng nhất là chuẩn bị mô hình thực hành. Các mô hình trình diễn sẽ là nơi tham quan học tập nhưng cũng là điểm thực hành suốt mùa vụ của các học viên. Mô hình thực hành ngoài đồng ruộng phải tiêu biểu và bảo đảm rằng các giải pháp kỹ thuật trình diễn chắc chắn sẽ đạt hiệu quả hơn các diện tích đại trà dùng làm đối chứng để so sánh. Nếu không sẽ có tác dụng ngược và khó thuyết phục mọi người áp dụng làm theo trong sản xuất đại trà. Tuy nhiên, cũng có thể sử dụng mô hình thất bại trong giải pháp kỹ thuật để phân tích, chỉ dẫn cho mọi người tham gia học tập rút kinh nghiệm.

- Đội ngũ cán bộ tổ chức, giảng viên, hướng dẫn điều hành

Mỗi lớp học đều có nhiều giảng viên tham gia nhưng chỉ đóng vai trò hướng dẫn, tư vấn

và theo dõi các hoạt động của lớp học. Để hướng dẫn tham quan học tập mô hình; chủ hộ, cán bộ khuyến nông hay nông dân giỏi tại địa phương đều có thể đóng vai trò điều hành hướng dẫn và chia sẻ thông tin hay là người làm mẫu trong các bài tập thực hành. Vì vậy ngoài trình độ chuyên môn, am hiểu thực tế và có kinh nghiệm, người giảng viên, điều hành còn phải có kinh nghiệm về thuyết trình, kỹ năng sư phạm, kỹ năng tập huấn cũng như có kinh nghiệm nhất định về tổ chức thực hiện, xử lý tình huống trong điều hành trao đổi thảo luận.

- Nội dung lý thuyết và thực hành

Tuỳ theo mục đích yêu cầu, điều kiện thực tế mà thiết kế một chương trình học tập theo phương pháp FFS cho phù hợp, tuy nhiên phần lớn thời gian cho phương pháp này dành cho thực hành ngoài đồng ruộng. Nội dung thực hành rải suốt trong một vụ cây trồng hoặc chu kỳ phát triển của vật nuôi nên lựa chọn thời điểm quan trọng, thích hợp sẽ giúp cho nông dân nhìn thấy rõ hiệu quả của giải pháp kỹ thuật.

- Kết thúc khoá học

Một khoá học kéo dài suốt thời vụ của cây trồng hay chu kỳ con vật nuôi nên sau khi kết thúc, việc đánh giá hiệu quả của giải pháp áp dụng cần được thực hiện nghiêm túc. Những ý kiến nhận xét, đánh giá, kiến nghị, đề xuất của các thành viên tham gia sẽ giúp cho ban tổ chức tổng hợp và hoàn thiện phương pháp tập huấn FFS tại địa phương. Bên cạnh đó, những yếu tố về tính tương thích, tính khả thi và những kiến thức tổng hợp được trong quá trình học và thực hành sẽ là tiền đề để khêu gợi tính sáng tạo khi áp dụng kỹ thuật mới. Đây cũng cơ sở để khuyến cáo cho số đông nông dân mở rộng phạm vi áp dụng các giải pháp kỹ thuật mong muốn.

Khi sử dụng mô hình trình diễn để tham quan, học tập đôi khi không cần thiết phải quan tâm đến kết quả của mô hình; tuy nhiên với phương pháp tập huấn FFS, nhất thiết phải cho người tham gia biết thông tin kết quả mô hình, có thể là năng suất, sản lượng, giá thành, giá bán nông sản hay lợi nhuận thu được so với không áp dụng giải pháp. Đây cũng là yếu tố quan trọng làm tăng tính thuyết phục để các học viên có thêm cơ sở và động lực để áp dụng làm theo ■

VŨ TIẾT SƠN
TP. Hồ chí Minh

MÔ HÌNH LIÊN KẾT SẢN XUẤT CHÔM CHÔM THEO HƯỚNG AN TOÀN, BỀN VỮNG TẠI BẾN TRE

Ông Trần Văn Lợt (bên trái) đại diện nhận giấy chứng nhận VietGAP cho Tổ hợp tác chôm chôm Tân Thới

Hợp tác xã (HTX) chôm chôm Sơn Định ở ấp Tân Thới, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre chính thức được thành lập vào năm 2016, gồm 41 thành viên. Với tổng diện tích 30,2 ha sản xuất chôm chôm VietGAP gồm các giống chôm chôm Java, chôm chôm đường và chôm chôm Rôngrien (Thái Lan). Diện tích trồng chôm chôm của hợp tác xã chiếm khoảng 20% diện tích chôm chôm toàn huyện, năng suất trung bình khoảng 25 tấn/ha, sản lượng khoảng 750 tấn/năm.

Trước khi Hợp tác xã được thành lập, các hộ dân trong vùng canh tác riêng lẻ nên kỹ thuật không đồng bộ, chất lượng sản phẩm không đồng đều, giá cả tiêu thụ giữa người trồng chôm chôm và thương lái trong cùng một khu vực không thống nhất. Năm 2008, được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, những hộ sản xuất trong khu vực thành lập Tổ liên kết sản xuất nhằm giúp nông dân trong tổ học tập, trao đổi kỹ thuật, kinh nghiệm trong sản xuất để đồng bộ quy trình canh tác. Tổ gồm 26 thành viên

Hội nghị thành lập HTX Chôm chôm Sơn Định

với diện tích sản xuất 13,6 ha. Kết quả, trong giai đoạn này, việc sản xuất có sự liên kết, trao đổi giữa các thành viên trong tổ, kỹ thuật canh tác được áp dụng đồng bộ.

Năm 2011, Tổ liên kết sản xuất đổi tên thành Tổ hợp tác chôm chôm Tân Thới. Nhờ sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng về kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh, việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hợp lý, an toàn, hiệu quả… nên Tổ hoạt động nổi bật hơn. Sản phẩm có chuyển biến rõ rệt về năng suất, giá bán, cũng như cách thức tiêu thụ. Tuy nhiên, chôm chôm chỉ bán trong thị trường nội địa.

Đến 2014, Tổ hợp tác chôm chôm Tân Thới được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Do các thành viên trong tổ được tập huấn chuyển giao về kỹ thuật và tầm quan trọng của việc sản xuất theo VietGAP, cách sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật an toàn. Vì vậy, sản phẩm không những đạt năng suất cao mà chất lượng cũng được cải thiện. Chôm chôm được phân phối vào các siêu thị, một phần còn được xuất khẩu sang Trung Quốc, giá bán cao hơn nên thu nhập các thành viên trong tổ được khá hơn.

Đến tháng 11 năm 2016, Tổ Hợp tác chôm chôm VietGAP Tân Thới được nâng cấp thành Hợp tác xã chôm chôm Sơn Định với diện tích 30,2 ha gồm 41 thành viên. HTX hoạt động theo quy định: Tổ chức họp định kỳ trong ban quản lý mỗi tháng 1 lần và 3 tháng 1 lần dành cho tất cả các thành viên trong HTX. Nội dung sinh hoạt là chia sẻ, trao đổi những kinh nghiệm, khó khăn trong sản xuất và những chính sách của Nhà nước có liên quan,… Hợp tác xã bắt đầu có sự liên kết với các doanh nghiệp để được hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất. Giai đoạn này, sản phẩm không dừng lại ở thị trường Trung Quốc mà còn được xuất bán sang thị trường châu Âu. Do mỗi doanh nghiệp, thị trường có tiêu chuẩn thu mua riêng nên đến mùa vụ, sản phẩm lần lượt được tuyển chọn và phân loại rõ ràng. Giá chôm chôm được hợp đồng theo từng vụ, thu mua theo từng loại và từng thời điểm, tuy nhiên luôn đảm bảo giá cao hơn so với các thành viên không thuộc HTX.

Nhờ kinh nghiệm của nông dân và sự trao đổi kinh nghiệm học tập lẫn nhau giữa các thành viên trong HTX, cùng với những tiến bộ kỹ thuật của ngành nông nghiệp chuyển giao, kết hợp liên kết với các doanh nghiệp; nên hiện nay, HTX chôm chôm Sơn Định hoạt động khá ổn định, tình hình cây trồng cũng như năng suất được cải thiện trong thời gian qua, hầu như sản phẩm đạt tiêu chuẩn về chất lượng, sản phẩm tiêu thụ tương đối ổn định.

*** Những kết quả đạt được trong quá trình tổ chức liên kết-tiêu thụ**

Nhờ hoạt động theo hình thức HTX, có sự liên kết 4 nhà nên tất cả các thành viên trong HTX được tập huấn nâng cao kiến thức về kỹ thuật canh tác, cũng như việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; Kinh nghiệm sản xuất ngày càng nhiều và chuyên nghiệp hơn.

Sản phẩm chôm chôm đạt tiêu chuẩn về chất lượng, có hồ sơ truy xuất nguồn gốc rõ ràng, kỹ thuật sản xuất đồng bộ giữa các thành viên trong HTX, chất lượng sản phẩm từng bước được cải thiện, thị trường tiêu thụ đa dạng và ngày càng được mở rộng hơn; từ tiêu thụ nội địa mở rộng ra thị trường ngoài nước, giúp cho việc sản xuất và tiêu thụ chôm chôm bền vững hơn.

Thu nhập bình quân của các thành viên trong HTX cũng được cải thiện hơn nhờ giá cao hơn các vườn ngoài HTX từ 1.000 - 2.000 đồng/kg. Trung bình thu nhập của các thành viên trồng chôm chôm trong HTX sau khi trừ chi phí đạt khoảng 320 triệu đồng/ha/năm đối với chôm chôm đường; khoảng 400 triệu đồng/ha/năm đối với chôm chôm Rôngrien và khoảng 70 triệu đồng/ha/năm đối với chôm chôm Java. Bình quân chi phí đầu vào khoảng 100 triệu đồng/ha/vụ. Hiện nay, có một số vườn chôm chôm của các thành viên trong HTX đang trong giai đoạn nuôi trái, khoảng 1,5 - 2 tháng nữa là thu hoạch, ước tính giá bán sẽ cao hơn khoảng 2.000 - 5.000 đồng/kg ■

BBT *(gt)*

NUÔI DÊ - GIẢI PHÁP TĂNG THU NHẬP CỦA NÔNG DÂN HUYỆN BÌNH TÂN

Huyện Bình Tân nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Vĩnh Long. Thu nhập của người dân nơi đây chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp với nhiều loại cây trồng như lúa, khoai lang,vừng, đậu bắp, rau cải các loại.... Riêng cây khoai lang chiếm diện tích khá lớn, khoảng 10.000 ha/năm. Trước đây, sau khi thu hoạch khoai lang, bà con thường vùi lấp phần dây trong đất thì hiện nay nguồn dây này được người dân địa phương tận dụng để phát triển chăn nuôi, đặc biệt là nuôi dê. Chính nguồn thức ăn đáng kể này đã giúp nghề chăn nuôi dê tại địa phương phát triển, mang lại thu nhập cao.

Theo thống kê, tính đến tháng 9/2017, tổng đàn dê của huyện có khoảng 5.700 con tập trung nhiều ở các xã Tân An Thạnh, Tân Lược, Tân Hưng, Tân Thành, Thành Đông. Nuôi dê tại địa phương không khó do dê ít bị bệnh, thức ăn cũng dễ tìm, có thể là cỏ, dây khoai lang, thân cây ngô..., quan trọng là người nuôi phải có vốn đầu tư con giống ban đầu. Ông Nguyễn Văn Danh ở ấp Tân Tiến, xã Tân Lược cho biết: Ông nuôi dê cách đây vài năm, tuy nuôi dê không phải là nguồn thu nhập chính của gia đình nhưng mô hình này là cách để gia đình ông có thêm nguồn thu nhập nhờ tận dụng thời gian nhàn rỗi và nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương.

Còn anh Lê Thành Nguyên ở ấp Hưng Lợi, xã Tân Hưng cũng có nhiều năm nuôi dê chia sẻ: nuôi dê không khó nhưng người nuôi cần đầu tư vốn mua con giống, chuồng trại ban đầu và thức ăn cho dê, tại địa phương chủ yếu là sử dụng dây khoai lang. Điều quan trọng là dây khoai lang phải không bị nhiễm thuốc bảo vệ thực vật, nếu không dê sẽ rất dễ bị bệnh. Trung bình mỗi con dê nuôi từ 6 - 8 tháng thì có thể xuất bán, trọng lượng bình quân đạt 35 - 40 kg/con đối với dê đực và 28 - 32 kg/con đối với dê cái. Giá cả tuỳ theo thị trường, dao động 90.000 - 100.000 đồng/kg và đầu ra khá ổn định, thương lái đến tận nhà mua nên anh rất yên tâm phát triển mô hình này.

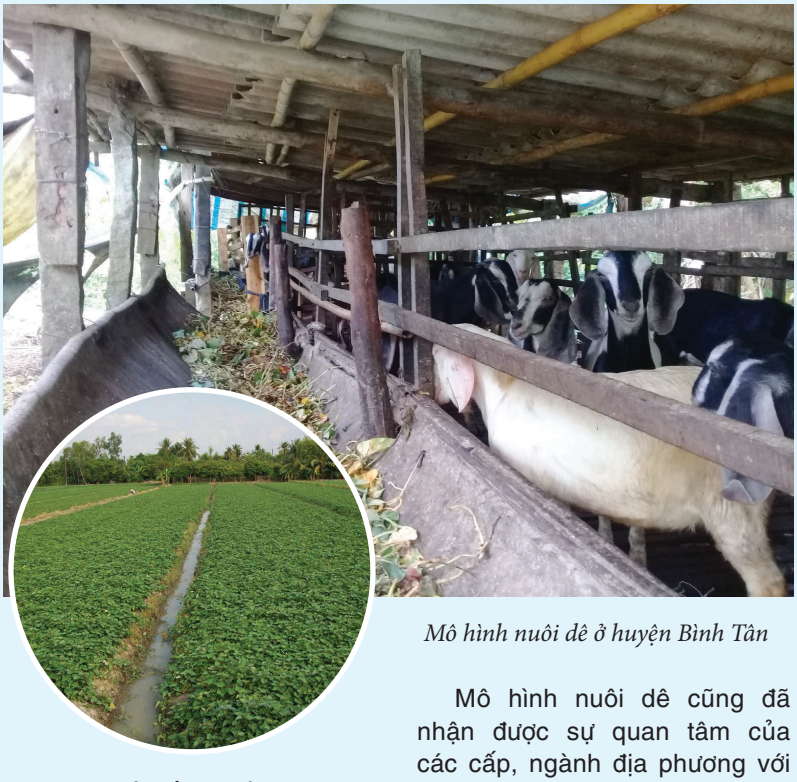

Mô hình nuôi dê ở huyện Bình Tân

Trên các cánh đồng trồng khoai lang của huyện Bình Tân, nơi nào có thu hoạch khoai lang thì nơi đó có hình ảnh hàng chục người dân đến thu hoạch dây khoai để mang về làm thức ăn cho dê. Điều này cho thấy, mô hình này đang khá phát triển ở huyện Bình Tân.

Mô hình nuôi dê cũng đã nhận được sự quan tâm của các cấp, ngành địa phương với nhiều chính sách hỗ trợ như: tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ tín dụng... Đặc biệt, năm 2017, địa phương được Trung tâm khuyến nông Vĩnh Long hỗ trợ đầu tư Dự án Hỗ trợ phát triển mô hình chăn nuôi dê sinh sản theo hướng an toàn sinh học quy mô nông hộ tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2017 - 2019. Dự án sẽ góp phần cải tạo, nâng cao tầm vóc, chất lượng đàn dê đồng thời giúp gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng đàn dê cái nền sinh sản của địa phương. Bên cạnh đó, Dự án sẽ giúp bà con nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào chăn nuôi dê đạt hiệu quả, năng suất, chất lượng cao, khắc phục những tồn tại về giống, góp phần nâng tỉ lệ dê lai giống ngoại ■

MINH LUÂN
Huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

YÊN BÁI: KINH NGHIỆM SẢN XUẤT CAM THEO HƯỚNG AN TOÀN

Đó là kinh nghiệm có được từ mô hình trồng cam của anh Trịnh Văn Hưng, ở thôn 6, xã Khánh Hòa, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Sau khi lập gia đình, bố mẹ cho anh Hưng 4 ha đất đồi hoang hóa lâu năm. Từ đó, anh luôn suy nghĩ làm gì để phát huy hiệu quả kinh tế trên đất đồi này. Nhận thấy, cam chính là cây thế mạnh của địa phương nên năm 2000, anh quyết định trồng thử nghiệm 100 gốc cam sành. Nhờ được cán bộ khuyến nông hướng dẫn chăm sóc đúng kỹ thuật, sau gần 4 năm, những gốc cam đã cho những quả bói đầu tiên. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, gia đình anh thâm canh cam theo kiểu truyền thống. Việc chăm sóc, kỹ thuật phòng chống sâu bệnh đều do gia đình tự học hỏi nên năng suất chỉ đạt gần 6 tạ/ha, chất lượng cam thấp, hiệu quả kinh tế không cao. Vườn cam chưa được cấp chứng chỉ an toàn nên vẫn bị tư thương ép giá, khó tiêu thụ.

Từ năm 2015, anh tham gia Dự án thâm canh cam sành của huyện với 2,4 ha, được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận an toàn cho vườn cam. Để phát triển được vườn cam theo đúng tiêu chuẩn, anh luôn tuân thủ quy trình canh tác VietGAP, không dùng thuốc trừ cỏ, phải dùng máy để phát, bón phân định kỳ một cách hợp lý, chỉ phun thuốc cho cây sau khi thu hoạch vào mùa xuân để cây đón lộc, những giai đoạn khác tuyệt đối không phun thuốc.

Cam sành ở huyện Lục Yên cây cao, tán rộng, quả sai, bề mặt vỏ quả nhẵn, màu vàng sáng bóng, tép cam màu vàng, mọng nước, vị ngọt đậm đà và mùi thơm nên được người tiêu dùng ưa chuộng. Cuối năm 2015, khi xã thành lập Hợp tác xã (HTX) cam sành Lục Yên, gia đình anh đã mạnh dạn tham gia. Từ khi tham gia HTX, các hộ trồng cam được hỗ trợ nguồn vốn, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng thương hiệu cam đảm bảo chất lượng theo hướng VietGAP, mở rộng phát triển sản xuất theo quy mô tập trung.

Các hộ trồng cam thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm sản xuất cam, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm

Vụ cam năm 2016, toàn HTX thu hoạch ước đạt 500 tấn, với giá bán trung bình khoảng 10.000 đồng/kg, thu về khoảng 5 tỷ đồng, thị trường mở rộng tới nhiều tỉnh, thành trong cả nước như: Hà Nội, Lào Cai, Lai Châu... Mỗi năm HTX còn sản xuất khoảng 3 vạn cây cam giống cung ứng cho thị trường... Ngoài ra, để thương hiệu được nhiều người biết đến, HTX cam sành Lục Yên tích cực tham gia các hội chợ nông sản. Mới đây nhãn hiệu tập thể "Cam Lục Yên" đã được Cục Sở hữu Trí tuệ công nhận.

Bản thân anh Hưng từ khi tham gia vào HTX, được học tập kinh nghiệm về kỹ thuật chăm sóc cây cam sành ở nhiều nơi trong tỉnh, được tham gia các lớp tập huấn kiến thức để áp dụng vào sản xuất nên gần 2 năm gần đây, chất lượng, năng suất cam sành của gia đình đã cao hơn so với những năm trước. Nhờ áp dụng kỹ thuật chăm sóc cam theo quy trình VietGAP nên ngay từ khi quả còn xanh đã có nhiều thương lái đến mua cả vườn. Năm 2016, với 3 ha cam, gia đình anh thu được khoảng 600 triệu đồng. Vào thời điểm thu hoạch, gia đình phải thuê thêm 5 - 7 lao động tại địa phương.

Anh Hưng chia sẻ một số kinh nghiệm thực tế đã tích lũy được từ quá trình triển khai mô hình trồng cam như sau:

- Để sản xuất sản phẩm cam an toàn, chất lượng, việc cần làm trước tiên là phải lựa chọn giống cam có chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật, đảm bảo sản phẩm sản xuất ra an toàn giữ uy tín với khách hàng, giữ vững thương hiệu trên thị trường.

- Các hộ trồng cam phải thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, cách chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hái, bảo quản sản phẩm. Tham gia các đợt tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài địa phương, tìm tòi thêm các kiến thức mới, các cách làm hay qua sách, báo, internet.

- Các hộ trồng cam cần chia sẻ kinh nghiệm sản xuất một cách cởi mở, đoàn kết, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Sản xuất theo nhóm hộ quan trọng là giúp đỡ nhau, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- Việc lập hồ sơ, sổ sách ghi chép là rất quan trọng, đây là một trong những căn cứ để chứng minh sản phẩm sản xuất ra đảm bảo an toàn.

- Cần quan tâm đến khâu tuyên truyền, quảng bá, đưa sản phẩm đến gần hơn với người tiêu dùng ■

BBT *(gt)*

LÀM GIÀU NHỜ ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Với bản chất cần cù, siêng năng, ham học hỏi, chịu khó tìm tòi áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, anh Nguyễn Toàn ở xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đã có con đường phát triển kinh tế gia đình từ làm giàu trên vùng biển quê hương.

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong khai thác hải sản, gia đình anh Nguyễn Toàn đã tạo việc làm, tăng thu nhập cho bà con nông ngư dân tại địa phương

Sinh ra trong gia đình có truyền thống đánh bắt hải sản, những ngày đầu anh Toàn đi biển vừa làm công tác hậu cần vừa học hỏi kinh nghiệm thực tế trên biển. Đến năm 1993, anh làm thuyền trưởng trực tiếp điều hành con tàu 110 CV cùng 15 lao động.

Nhiều năm sau đó, số lượng tàu được đóng mới tăng nhanh, hiệu suất đánh bắt ở gần bờ cao, với nhiều nghề khai thác khác nhau dẫn đến nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt. Việc vươn ra ngư trường xa đánh bắt là nhu cầu tất yếu. Tuy nhiên, do chưa đầu tư các thiết bị hàng hải trên tàu, nên việc hành trình ra ngư trường và về bờ thường không chính xác, chủ yếu định hướng bằng sao trên trời, vừa mất thời gian vừa hao tổn nhiều nhiên liệu. Ngư dân lại thiếu thông tin về ngư trường và thị trường giá cả. Ngoài ra, việc bủa lưới để đánh bắt hải sản chủ yếu bằng kinh nghiệm, theo dõi con nước để đánh nên hiệu quả chưa cao.

Khi Trung tâm Khuyến nông Ninh Thuận triển khai chuyển giao các thiết bị hàng hải hiện đại cho ngư dân khai thác hải sản, anh Toàn đã cùng gia đình tìm hiểu và quyết định đầu tư đóng mới con tàu 310 CV. Anh Toàn tâm sự, khi vươn khơi khai thác mới thấy cần có tàu to, công suất lớn để đảm bảo an toàn; đặc biệt khi khai thác ở ngư trường mới gặp không ít những khó khăn, để dò tìm được những đàn cá nổi đã khó nhưng di chuyển theo để vây bắt còn khó hơn. Do vậy gia đình quyết định bán chiếc tàu 110 CV, tập trung vốn đóng chiếc mới với công suất 370 CV để vươn khơi đánh bắt.

Năm 2011, anh được tham gia lớp tập huấn ứng dụng máy dò ngang trên tàu khai thác do Trung tâm Khuyến nông tỉnh tổ chức, được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn sử dụng các chức năng của máy, anh như giải được bài toán khó và những bức xúc bấy lâu. Là người ham học hỏi ứng dụng kỹ thuật mới nên anh là người đầu tiên của xã xung phong đăng ký xin tham gia mô hình ứng dụng máy dò ngang do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hỗ trợ. Qua 6 tháng triển khai, mô hình tổng kết đánh giá sản lượng hải sản tăng trên 160%, doanh thu đạt 1,5 tỷ, sau khi trừ chi phí, lợi nhuận còn 1,2 tỷ.

Từ hiệu quả ứng dụng máy dò ngang, anh thường chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm cho những ngư dân trong vùng tham khảo qua những buổi tọa đàm hay trong những đợt tập huấn hướng dẫn sử dụng thiết bị hàng hải. Đặc biệt, khi sản xuất trên biển qua bộ đàm anh thường chia sẻ kỹ thuật sử dụng máy dò ngang cho ngư dân của tàu khác.

Đến năm 2016, gia đình anh vay thêm tín dụng ngân hàng đóng con tàu thứ 3 với công suất 500 CV, đầu tư trang bị thiết bị hàng hải hiện đại. Trung bình mỗi năm gia đình có doanh thu khoảng 10 tỷ, đặc biệt năm 2017, doanh thu đạt 15 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 50 lao động tại địa phương.

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là giải pháp không thể thiếu để khai thác hải sản phát triển bền vững, tạo việc làm với thu nhập ổn định cho cộng đồng ngư dân ven biển từ đó đã tác động không nhỏ đến bộ mặt kinh tế, dân sinh, an ninh xã hội của vùng nông thôn ven biển theo chiều hướng tích cực, góp phần vào xây dựng nông thôn mới của xã Thanh Hải ■

NGUYỄN VĂN VIỆN
Trung tâm Khuyến nông Ninh Thuận

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY KHOAI TÂY
(Kỳ 1)

1. Chọn đất, chuẩn bị đất và giống

a. Chọn đất

Cây khoai tây thích hợp với chân đất tơi xốp, đất cát pha, đất thịt nhẹ, đất phù sa ven sông với thành phần cơ giới nhẹ thoát nước và giữ ẩm tốt, quy hoạch tập trung, gọn vùng, chủ động tưới tiêu, tốt nhất là ruộng luân canh với lúa nước.

b. Làm đất

Vơ sạch cỏ dại, tàn dư cây trồng vụ trước. Nếu đất còn ướt, áp dụng biện pháp làm đất tối thiểu. Nếu đất khô, tiến hành cày bừa và lên luống. Đất sau khi gặt lúa xong, cắt rạ sát gốc, tiến hành cày rãnh để thoát nước và chia luống. Luống đơn trồng bằng 1 hàng, luống rộng 60 - 70 cm, cao 20 - 25 cm. Luống đôi trồng 2 hàng, luống rộng 120 - 140cm, rãnh rộng: 20 - 40 cm, sâu 15 - 20 cm. Việc làm rãnh nhằm mục đích thoát nước, tránh không để úng nước làm thối củ giống và ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển sâu bệnh sau này của cây.

c. Chuẩn bị nguồn giống

Giống khoai tây có thể để nguyên cả củ trồng và có thể trồng bằng biện pháp cắt củ.

Với các giống khoai tây có kích cỡ lớn, để giảm thiểu việc đầu tư giống trên 01 diện tích việc áp dụng biện pháp kỹ thuật cắt củ giống khoai tây theo phương pháp cắt dính là rất cần thiết. Phương pháp này bao gồm các bước sau đây:

- Chuẩn bị củ giống

+ Củ giống được đem cắt phải có độ trẻ về sinh lý. Tốt nhất là dùng củ giống từ nguồn nhập khẩu hoặc củ giống được bảo quản trong kho lạnh ở điều kiện 4^{0}C.

Cây khoai tây thích hợp với chân đất tơi, xốp, giữ ẩm tốt

+ Củ giống phải có khối lượng ít nhất từ 50g/củ trở lên mới đem cắt.

+ Củ giống được mang ra cắt phải hết thời gian ngủ nghỉ (đã phát mầm).

- Chuẩn bị vật liệu và xử lý dao cắt:

+ Vật liệu xử lý: Khi áp dụng cắt củ giống thì việc xử lý dao cắt phải rất chú ý: có thể xử lý dao bằng cồn công nghiệp, lửa đèn cồn hay lửa ngọn nến hoặc nước đun sôi bằng bình siêu tốc.

+ Dao cắt: Phải sắc và mỏng, không được dùng dao có bản dày, để tránh làm dập nát tế bào ở chỗ cắt.

+ Sau mỗi lần cắt nhất thiết phải xử lý lại dao cắt để tránh lây bệnh từ củ bị bệnh sang củ sạch bệnh.

- Phương pháp và tiêu chuẩn miếng cắt:

+ Cắt dọc củ theo chiều của mầm đỉnh với tiết diện miếng cắt phải là nhỏ nhất, để tránh gây thương tổn không cần thiết.

+ Cắt củ giống phải tuân thủ tuyệt đối theo phương pháp cắt dính, nghĩa là miếng cắt không rời hẳn ra mà còn dính lại khoảng 2 - 3 mm.

+ Cắt củ xong, phải úp ngay hai miếng cắt còn dính lại với nhau (như trước khi cắt) rồi xếp vào khay đựng hoặc rổ, rá và không được cho vào bao tải ẩm ướt.

+ Không cần xử lý củ giống sau cắt với bất kỳ loại hoá chất nào.

+ Để đảm bảo năng suất khoai tây, mỗi miếng cắt phải có ít nhất 2 mầm trở lên.

+ Mỗi củ giống chỉ nên cắt đôi, không nên cắt 3 hay 4.

- Phương pháp và thời gian bảo quản củ giống sau cắt:

+ Sau khi cắt, củ giống phải được bảo quản trong điều kiện 18 - 20^{0}C, thoáng khí.

+ Thời gian để miếng cắt lành lại vết thương mất khoảng 7 - 10 ngày. Trước khi trồng 1 - 2 ngày nên tách hẳn miếng cắt ra làm đôi để miếng cắt lành hoàn toàn.

2. Thời vụ trồng

a. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

- Vụ chính: Trồng từ 15/10 - 15/11, thu hoạch vào cuối tháng 1, đầu tháng 2 năm sau.

- Vụ xuân: Trồng tháng 12, thu hoạch vào đầu tháng 3 năm sau.

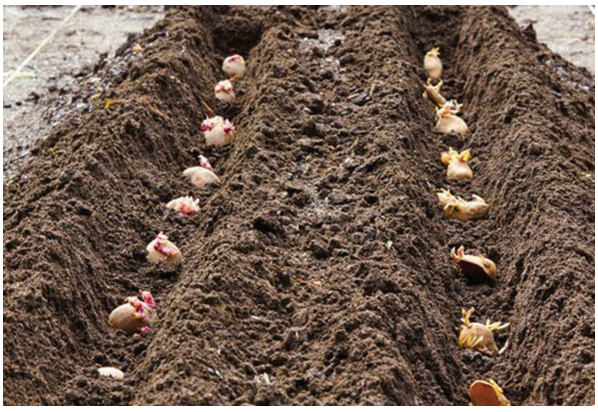

Trồng khoai tây nguyên củ, và bổ củ

b. Vùng miền núi phía Bắc

- Vùng núi thấp <1000 m: Vụ đông trồng tháng 10, thu hoạch tháng 1 năm sau. Vụ xuân trồng tháng 12, thu hoạch cuối tháng 3

- Vùng núi cao >1000 m: Vụ thu đông trồng đầu tháng 10, thu hoạch tháng 1. Vụ xuân trồng tháng 2, thu hoạch tháng 5.

c. Vùng Bắc Trung bộ

Chỉ trồng vụ đông: trồng đầu tháng 11, thu hoạch cuối tháng 1.

d. Vùng Tây Nguyên (Lâm Đồng)

- Vụ mùa chính thu hoạch kéo dài trong thời gian mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5.

- Vụ mùa nghịch thu hoạch trong mùa mưa từ đầu tháng 6 đến tháng 11.

3. Mật độ, khoảng cách

- Lượng giống: Trung bình 30 - 40 kg củ/sào Bắc bộ (1 sào = 360 m^2)

- Mật độ: Với củ nhỏ, trồng 10 củ/m^2, cách nhau 17 - 20 cm. Với củ bình thường: trồng 5 - 6 củ/m^2, cách nhau 25 - 30 cm.

4. Cách trồng

a. Cách trồng khoai tây nguyên củ

Rải rơm rạ cắt ngắn hoặc bón lót phân chuồng, đạm và lân xuống đáy rồi lấp 1 lớp đất mỏng lên phân. Đặt củ giống so le nhau, nằm ngang và mầm khoai hướng lên trên. Chú ý không để củ giống tiếp xúc với phân, nhất là phân hóa học. Dùng đất bột, mùn, trấu phủ kín củ giống một lớp mỏng; sau đó dùng rơm rạ phủ lên toàn bộ mặt luống khoảng 7 - 10 cm. Tưới nước ướt đều lên mặt luống làm ẩm rơm rạ và đất; nếu độ ẩm đất còn cao không cần tưới. Có thể dùng đất đè lên rơm rạ tránh rơm rạ bay nếu gió mạnh.

b. Cách trồng khoai tây bổ củ

Rạch hàng trên mặt luống, rải toàn bộ phân chuồng mục và lân vào rạch trộn đều với đất trong rạch. Đặt củ giống hay miếng bổ vào rạch, chú ý tuyệt đối không để củ giống hoặc miếng bổ tiếp xúc trực tiếp với phân. Khoảng cách giữa củ giống (hoặc miếng bổ) 25-30cm. Mật độ 4 - 5 hốc/m^2, hốc cách hốc từ 25 - 30 cm, đặt mầm hướng lên trên, rồi phủ kín mầm bằng 1 lớp đất dầy từ 3 - 4 cm, không được để hở mầm.

5. Bón phân

a. Lượng phân bón

- Cho 1 ha: Phân chuồng loại mục: 15 - 20 tấn; Đạm urê: 250-300kg; Lân supe: 350-400kg; Kali clorua: 150 - 200 kg.

- Quy ra 1 sào Bắc bộ: Phân chuồng loại mục: 6 - 7 tạ; Đạm urê: 9 -10kg; Lân supe: 12-15kg; Kali clorua: 5 - 7 kg.

Nếu dùng phân NPK cần đọc kỹ hướng dẫn trên bao bì và quy đổi về dạng phân đơn để điều chỉnh lượng bón cho phù hợp và cân đối.

Nếu bón phân NEB 26 thì giảm đi 50% đạm (7 ml NEB 26 thay cho 01 kg đạm). Không phun NEB26 lên lá và không trộn NEB26 với phân khác ngoài đạm.

b. Cách bón

- Bón lót: Rải toàn bộ phân chuồng và lân + 1/3 đạm + 2/3 kali lên trên mặt luống giữa hai hàng khoai.

- Bón thúc lần 1: Sau khi cây mọc cao 15-20cm: 1/3 đạm, 1/3 kali. Bón vào mép luống hoặc giữa 2 khóm khoai, không bón trực tiếp vào gốc cây làm cây chết.

- Bón thúc lần 2: Sau bón thúc lần 1: 15-20 ngày: 1/3 đạm, 1/2 kali.

Chú ý: Bón lót nhiều kali sẽ cho củ to, mẫu mã đẹp. Không bón phân chuồng tươi vì có nhiều vi khuẩn nấm bệnh làm cho mã củ không đẹp, và khoai dễ bị thối. Chỉ dùng phân chuồng hoai mục. (*Còn nữa*) ■

VIỆN BẢO VỆ THỰC VẬT

KỸ THUẬT CHĂM SÓC, PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI ĐIỀU NIÊN VỤ 2017 - 2018

Trước tình hình biến đổi khí hậu, mưa kéo dài, bọ xít muỗi và bệnh thán thư phát triển mạnh trên cây điều khiến cây ra chồi kém, không đều gây ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng điều năm 2018. Các địa phương đã và đang tích cực chỉ đạo khôi phục vườn điều, tuy nhiên nhiều diện tích vẫn chưa phục hồi tốt. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hướng dẫn một số kỹ thuật cấp bách phòng trừ sâu bệnh hại điều như sau:

1. Vệ sinh vườn điều

- Tháng 11 - 12: Cần dọn vệ sinh vườn, chú ý phát quang các bụi cỏ trong vườn; gom cỏ rác, cành bị sâu bệnh, lá rụng đốt hun khói. Theo kinh nghiệm dân gian việc hun khói để xua đuổi bọ xít muỗi.

- Theo dõi sâu bệnh hại trên chồi, lá non để kịp thời phòng trừ.

- Vào thời điểm chuẩn bị thu hoạch cần dọn vườn sạch sẽ cỏ, rác và làm bằng phẳng bề mặt để thu hoạch trái chín rụng xuống.

2. Tỉa cành, tạo tán

- Điều ra hoa vào tháng 12 nên cần chú ý tỉa cành tạo tán sớm, tỉa bớt những cành chồi nhỏ yếu trong tán khó ra hoa hoặc ít ra hoa, chỉ để lại 2 - 3 chồi trên 1 cành. Cắt bỏ các cành khô, cành bị bệnh.

- Trên những vườn điều lâu năm, giữa các cây có tán giao nhau thì có thể tỉa đau bằng cách cắt cả hoặc một phần cành lớn để tán thông thoáng.

- Khi cắt tỉa cành lớn cần cắt đúng vị trí cổ cành. Dùng dung dịch Bordeaux 1:4:5 hay dầu nhớt thải quét lên mặt cắt để hạn chế mối mọt và sâu bệnh tấn công.

3. Chăm sóc giai đoạn ra hoa, đậu trái

- Xử lý ra hoa tăng cường đậu trái: Khi cây ra hoa đậu quả có thể phun một số chế phẩm để tăng tỷ lệ đậu trái, hạn chế rụng quả non.

4. Đối với vườn điều già cỗi, bệnh nặng không thể phục hồi

Cần cưa bỏ và trồng tái canh lại. Lưu ý: Sử dụng những giống điều ghép cao sản đã được Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn công nhận như: PN1, AB29, AB05-08, ĐDH67-15, ĐDH102-293.. Mật độ trồng khoảng 200 cây/ha (khoảng cách 8m x 6m), sẽ tỉa thưa sau 8-10 năm. Thời vụ trồng theo từng vùng (từ tháng 6 đến tháng 10, có thể trồng trong mùa khô nếu chủ động nước tưới).

5. Phòng trừ bọ xít muỗi

Có 2 loài bọ xít muỗi gây hại: Loài bọ xít muỗi xanh (*Helopeltis theivora*) phổ biến nhất và bọ xít muỗi đỏ (*Helopeltis antonii*).

Bọ xít muỗi non và trưởng thành đều gây hại các bộ phận non của cây điều như lá non, chồi non, hoa và cả quả, hạt non.

+ Biện pháp canh tác:

Không bón quá nhiều phân đạm, tăng phân kali vào thời kì cây điều ra đọt non, chồi hoa và quả non.

Làm sạch cỏ dại, tỉa cành tạo tán để vườn điều thông thoáng hạn chế nơi trú ngụ thường xuyên của bọ xít muỗi. Thu gom cành, lá, hoa, quả bị bệnh đem tiêu hủy để hạn chế lây lan nguồn bệnh.

+ Biện pháp sinh học:

Thả các loài thiên địch của bọ xít muỗi như kiến đen (*Dolicoderus thoracicus*) hoặc kiến vàng (*Oecophylla smaragdina*), bọ ngựa và nhện lớn bắt mồi. Kiến vàng là thiên địch hữu hiệu nhất, chúng ăn ấu trùng trưởng thành, bọ xít muỗi.

Sử dụng chế phẩm nấm ký sinh Metarhizum anisopliae, Beauveria bassiana hoặc Paecilomyces sp. phun trừ bọ xít muỗi khi tuổi còn nhỏ, liều lượng theo khuyến cáo trên bao bì sản phẩm.

+ Biện pháp hóa học:

Sử dụng các loại thuốc: Permecide 50EC, Peran 50EC, Tungcydan 60EC, Dragoannong 585EC, Wamtox 100EC, Tungrin 25EC, Sherbush 5EC, 10EC. Liều lượng và nồng độ theo hướng dẫn ghi trên bao bì.

- Thời điểm phun hiệu quả:

+ Phun thuốc vào sáng sớm hoặc chiều mát, khi cây chuẩn bị ra lá non, hoa.

+ Những ngày trời âm u bọ xít muỗi hoạt động mạnh có thể phun sớm hơn nhưng nếu điều đang nở hoa không phun trước 9 giờ sáng để hoa điều thụ phấn.

+ Phun khi bọ xít muỗi tuổi 1 - 3 sẽ hiệu quả cao nhất.

6. Bệnh thán thư

Bệnh do nấm *Colletotrichum gloeosporioides* gây ra, thường phát sinh trong điều kiện ẩm độ cao, mưa kéo dài và thiếu ánh sáng. Nguồn bệnh phát tán nhờ nước và gió.

Bệnh thường xuất hiện khi điều ra lá, có nụ hoặc bắt đầu đậu quả. Các vết bệnh màu nâu xuất hiện trên chồi non, lá, cành hoa và trái.

- Khi phát hiện tỉ lệ bệnh ở mức độ nhẹ, sử dụng các thuốc BVTV: DuPontTM Kocide 46.1 WG, Norshield 86.2WG, New Kasuran 16.6WP, Tungvil 5SC, 10SC... Liều lượng và nồng độ theo hướng dẫn ghi trên bao bì.

- Thời điểm phun: Vào giai đoạn cây điều ra chồi non, nụ hoa và quả non, nếu gặp điều kiện ẩm độ cao, sương mù nhiều cần phun thuốc bảo vệ thực vật để phòng trừ bệnh. Không phun trước 9 giờ sáng để hoa điều thụ phấn.

- Phương pháp phun: Phun ướt đều tán cây, nếu ẩm độ không khí cao và kéo dài có thể phun lần 2 (sau lần 1 từ 5 - 7 ngày).

- Dùng dung dịch Bordeaux 1:4:5 quét lên gốc cây ■

HÀ VĂN BIÊN
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP TRÊN CÁ NUÔI LỒNG, BÈ TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG, TRỊ

(Kỳ 1)

Trong những năm gần đây, nghề nuôi cá lồng, bè trên sông tại một số tỉnh miền Bắc phát triển mạnh, đối tượng nuôi chủ yếu là cá lăng đen, cá rô phi, cá điêu hồng, cá chiên, cá ngạnh…, nghề nuôi đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao sản lượng và tăng thu nhập góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân. Lợi ích mô hình nuôi lồng, bè mang lại cho người nuôi/người dân là đáng kể, chính vì vậy, mật độ lồng nuôi tăng hàng năm, cùng với đó là mật độ cá thả trong lồng cũng tăng. Hệ lụy từ vùng nuôi quá tải, kết hợp với sự biến động thời tiết do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây ra những thiệt hại không nhỏ cho người nuôi, trong đó dịch bệnh xảy ra được ghi nhận ảnh hưởng lớn đến sản lượng và năng suất cá nuôi sau thu hoạch.

Để hạn chế dịch bệnh xảy ra làm thiệt hại cho bà con, chúng tôi xin giới thiệu một số bệnh thường gặp trên cá nuôi lồng tại một số tỉnh phía Bắc nhằm giúp bà con có giải pháp phòng chống bệnh được tốt hơn.

I. Bệnh do vi rút gây bệnh trên cá nuôi lồng, bè và biện pháp phòng bệnh

1. Một số bệnh do vi rút gây bệnh trên cá nuôi lồng, bè

a. Bệnh do vi rút KHV *(Koi Herpesvirus)*

- Tác nhân gây bệnh: Do vi rút thuộc họ *Herpesviridae*.

- Đối tượng chính nhiễm bệnh: Cá chép và cá chép cảnh.

- Dấu hiệu bệnh: Cá thường nổi đầu, bơi tách đàn, mang bị tổn thương hoại tử có các đốm đỏ hoặc trắng, trên thân xuất hiện nhiều nhớt xuất huyết, có các đốm rộp phồng, các cơ quan bên trong thường bị xuất huyết, bóng hơi sưng, cá bị bệnh ở tất cả các giai đoạn phát triển của cá.

Cá chép bị bệnh vi rút mùa xuân và KHV

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Cá thường bị bệnh vào mùa xuân khi nhiệt độ nước <25°C, bệnh thường lây từ cá sang cá.

- Phương pháp chẩn đoán: Kỹ thuật PCR

b. Bệnh do virus SCV *(Spring Viremia of Carp)*

- Tác nhân gây bệnh: Do vi rút thuộc họ *Rhabdovirus carpio.*

- Đối tượng chính nhiễm bệnh: Cá chép và họ cá chép.

- Dấu hiệu bệnh: Cá có thể bị nhiễm bệnh ở mọi giai đoạn phát triển. Khi bị bệnh, xuất hiện một trong các dấu hiệu:

+ Da cá thường có màu nhợt nhạt hoặc có màu đỏ, xuất huyết trên da và các gốc vây.

+ Mắt lồi, mang nhợt nhạt, thối mang hoặc các tia mang kết dính lại với nhau có màu đỏ không tự nhiên.

+ Bụng chướng to, bóng hơi bị teo một ngăn.

Cá chép bị bệnh vi rút mùa xuân

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Sự biến động của nhiệt độ, đặc biệt vào lúc giao mùa thường xảy ra ở cuối mùa đông đầu mùa xuân khi nhiệt độ thấp dưới 18°C.

- Phương pháp chẩn đoán: Kỹ thuật PCR.

c. Bệnh vi rút trên cá trắm cỏ nuôi lồng

- Tác nhân gây bệnh: do *Reovirus.*

- Đối tượng chính nhiễm bệnh: cá trắm cỏ và cá trắm đen.

- Dấu hiệu bệnh lý:

+ Dấu hiệu bên ngoài: Da cá màu tối sẫm, cá nổi lờ đờ trên tầng mặt. Khi bệnh nặng cá có biểu hiện mắt lồi,, mang nhợt nhạt, nắp mang và vây xuất huyết. Tỷ lệ cá chết cao từ 80-100% sau 2-3 tuần cá trong ao xuất hiện bệnh. Trong mùa dịch, cá giống thường xuất hiện sớm hơn cá thịt với vây đuôi chuyển màu đen, bề ngoài thân màu tối đen, hai bên cơ lưng có thể xuất hiện 2 dải sọc màu trắng.

+ Dấu hiệu bên trong: Bóc da cá bệnh nhìn thấy các đốm hoặc đám cơ đỏ xuất huyết, bệnh nặng, cơ toàn thân xuất huyết đỏ tươi, đây là dấu hiệu đặc trưng thường thấy của bệnh. Giải phẫu cơ quan nội tạng nhận thấy: ruột xuất huyết tương đối rõ ràng, một phần ruột hoặc toàn bộ xuất huyết màu đỏ thẫm, thành ruột còn chắc chắn, không hoại tử.

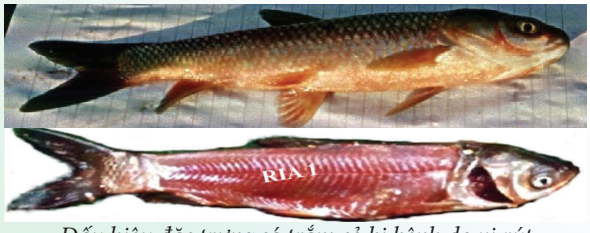

Dấu hiệu đặc trưng cá trắm cỏ bị bệnh do vi rút

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Xuất hiện quanh năm nhưng xuất hiện nhiều nhất ở các tháng giao mùa giữa mùa xuân và mùa hè (tháng 3 - tháng 6), giữa mùa hè và mùa đông (từ tháng 8 - tháng 10)

- Phương pháp chẩn đoán: Kỹ thuật PCR, nuôi cấy tế bào.

d. Bệnh vi rút trên cá rô phi

- Tác nhân gây bệnh: *Tilapia lake virus* (TiLV), vi rút thuộc họ *Orthomyxoviridae*. Vi rút được miêu tả đầu tiên bởi Eyngor et al. (2014);

- Đối tượng nhiễm bệnh: Cá rô phi

- Dấu hiệu bệnh:

TiLV ảnh hưởng chủ yếu lên cá rô phi giai đoạn giống, tỷ lệ chết của cá rô phi đỏ giai đoạn giống lên đến 90% trong vòng một tháng sau khi thả lồng. Trong khi đó tỷ lệ chết chỉ đạt 9% đối với cá rô phi vằn (*O. niloticus)* có kích thước từ trung bình đến lớn. Cá mắc bệnh do TiLV gây ra có biểu hiện giảm ăn, màu sắc cơ thể biến đổi (sẫm màu), thay đổi tập tính bơi lội như tập trung ở trên bề mặt, bơi lờ đờ và bơi tách đàn. Ở giai đoạn nhiễm bệnh nặng, trên thân cá xuất hiện các vết lở loét từ dạng điểm đến mảng, mang tái nhợt, mắt bị teo lại hoặc lồi ra, có hiện tượng đục thủy tinh thể, vẩy dựng, bong tróc; đuôi bị ăn mòn.

Cá rô phi bị bệnh TiLV

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Xuất hiện quanh năm.

- Phương pháp chẩn đoán: Kỹ thuật PCR, mô bệnh học, nuôi cấy tế bào, lai tại chỗ.

2. Biện pháp phòng bệnh do vi rút trên cá nuôi lồng, bè

Đối với bệnh do vi rút, cần áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp như:

- Sau mỗi vụ nuôi kéo lồng lên bờ vệ sinh lồng bằng cách quét vôi lên khung lồng, lồng lưới được ngâm trong nước vôi sau đó giặt sạch phơi khô.

- Cá giống thả vào lồng nuôi cần phải kiểm tra đầu vào, để loại cá nhiễm mầm bệnh vi rút.

- Trong quá trình nuôi thường xuyên treo túi vôi hoặc viên TCCA hoặc BKD để khử trùng môi trường nước và tiêu diệt mầm bệnh.

- Định kỳ hàng tháng cho cá ăn Vitamin C hoặc bột tỏi để phòng bệnh và tăng sức đề kháng cho cá với liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì sản phẩm.

- Đối với cá bị bệnh chết cần phải được vớt lên nấu chín, hoặc tiêu hủy chôn với 1% vôi bột, không được vớt cá chết bỏ ra sông, suối dễ lây lan từ vùng nuôi này sang vùng nuôi khác.

II. Bệnh do vi khuẩn gây ra trên cá nuôi lồng và biện pháp phòng, trị

1. Bệnh do vi khuẩn *Aeromonas* spp **trên cá nuôi lồng**

- Tác nhân gây bệnh: Vi khuẩn *Aeromonas* spp.

- Đối tượng nhiễm bệnh: Tất cả các loài cá nuôi nước ngọt, cá nhiễm bệnh ở tất cả các giai đoạn phát triển của cá.

- Dấu hiệu bệnh: Cá nhiễm bệnh thường có một trong số các dấu hiệu sau:

+ Cá ăn ít, trên thân xuất hiện các đốm đỏ to nhỏ khác nhau, các điểm đốm đỏ sẽ phát triển lớn thành các vết loét. Hai bên thân cá, nhất là vùng bụng bị xuất huyết, ứ máu đỏ bầm, vảy dựng lên, Vây bị xơ rách, cụt, gốc vây xuất huyết, hậu môn viêm đỏ có dịch chảy ra. Khi giải phẫu nhận thấy: gan thận có biểu hiện nhũn mềm, có màu sậm đen, xuất huyết, hoại tử, ruột không có thức ăn và chứa đầy hơi, hoại tử có mùi tanh đặc trưng.

Vi khuẩn Aeromonas hydrophyla gây bệnh trên cá trắm cỏ

Cá lăng vàng và cá chiên bị bệnh do vi khuẩn Aeromonas spp

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Bệnh xuất hiện quanh năm, xảy ra nhiều nhất vào các tháng giao mùa.

- Phương pháp chẩn đoán: Nuôi cấy và phân lập vi khuẩn

- Biện pháp phòng, trị bệnh:

+ Biện pháp phòng bệnh: áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp

+ Biện pháp trị bệnh: Khi cá bị bệnh do vi khuẩn *Aeromonas* spp, biện pháp trị bệnh hiệu quả nhất là dùng kháng sinh nhưng với điều kiện cá vừa chớm bị bệnh chưa bỏ ăn, nếu cá đã chết nhiều thì việc trị bệnh hiệu quả không cao.

Trộn thuốc vào thức ăn (nếu cá vẫn còn sử dụng thức ăn) với liều lượng: Doxycycline 5-7 gam/100 kg cá/ ngày, hoặc Florphenicol liều lượng 4-5 gam/100 kg cá/ngày ăn liên tục 7-10 ngày kết hợp cho ăn thêm Vitamin C 1 - 2 g cho 100 kg cá bệnh/ngày, ăn liên tục 5 ngày.

Chú ý: Khi sử dụng kháng sinh, để đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng thì phải dừng cho cá ăn kháng sinh sau 20 ngày mới được thu hoạch.

2. Bệnh do vi khuẩn *Streptococcus* spp.

- Tác nhân gây bệnh: Vi khuẩn *Streptococcus* spp.

- Đối tượng nhiễm bệnh: Hầu hết các loài cá nuôi nước ngọt, phổ biến nhất là trên cá rô phi và cá điêu hồng

- Dấu hiệu bệnh: Cá bơi lờ đờ, kém ăn hay bỏ ăn, mắt cá lồi, bơi không định hướng. Giải phẫu cá bị bệnh thấy hiện tượng tích khí ở ruột, ruột không chứa thức ăn, ruột xuất huyết, gan tụ máu, ngoài ra hiện tượng xuất huyết dưới da bụng cũng đã được ghi nhận.

Cá rô phi bị nhiễm vi khuẩn Streptococcus spp

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Giao mùa giữa mùa hè và mùa thu và các đợt biến động thời tiết nắng to, nhiệt độ cao. Bệnh thường xảy ra và gây chết cá với tỷ lệ chết cao vào các tháng 5 - 9 hàng năm.

- Biện pháp phòng, trị bệnh:

+ Phòng bệnh: Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp

+ Trị bệnh: Dùng Flophenicol hoặc Doxycline hoặc Amoxcilin trộn vào thức ăn, cho ăn trong 7 ngày với liều lượng 5-7 gam/100 kg cá/ngày, ăn liên tục 5-7 ngày, kết hợp cho ăn thêm Vitamin C với liều lượng 2-3 gam/100 kg cá/ngày.

Chú ý: Khi sử dụng kháng sinh, để đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng thì phải dừng cho cá ăn kháng sinh sau 20 ngày mới được thu hoạch.

3. Bệnh gan mủ thận trên cá da trơn

- Tác nhân gây bệnh: Vi khuẩn *Edwardsiella tarda, E. Ictaluri*

Vi khuẩn *Edwardisella* là vi khuẩn gram âm, hình que mảnh, kích thước 1 x 2-3 µm, không sinh bào tử, chuyển động nhờ vành tiêm mao. Trong nuôi nước ngọt thường gặp hai loài: *E. tarda* và *E. ictaluri*.

- Đối tượng nhiễm bệnh: Hầu hết các loài cá nước ngọt, thường gặp nhất ở các loài cá da trơn như cá lăng, cá nheo, cá trê.

- Dấu hiệu bệnh:

+ Xuất hiện những vết thương nhỏ trên da (phía mặt lưng), đường kính khoảng 3-5mm, những vết thương này sẽ phát triển thành những khối u rỗng bên trong cơ, da bị mất sắc tố, vây đuôi tưa rách.

+ Cá mắc bệnh sẽ mất chức năng vận động do vây đuôi bị tưa rách. Có thể xuất hiện những vết thương bên dưới biểu bì, cơ, các vết thương này bị hoại tử và lây lan rộng sang vùng lân cận.

+ Vi khuẩn *E. ictaluri* là tác nhân gây bệnh mủ gan cá tra, cá lăng, cá nheo, cá trê… Đây là bệnh nguy hiểm gây chết cá hàng loạt và rất khó điều trị. Giai đoạn gây hại nặng nhất từ cá hương lên giống và từ giống đến dưới 600 g/con. Khi cá nhiễm bệnh, trên gan thận cá xuất hiện các đốm mủ màu trắng lấm tấm.

Gan cá lăng đen bị đốm trắng do nhiễm vi khuẩn E

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Xuất hiện vào đợt thời tiết biến động nắng mưa.

- Phương pháp chẩn đoán: Nuôi cấy và phân lập vi khuẩn.

- Biện pháp phòng, trị bệnh:

** Phòng bệnh:*

+ Chọn con giống khỏe mạnh, không nhiễm bệnh.

+ Sát trùng các dụng cụ như lưới, vợt, sọt, ống dây bằng Chlorine 10-15 g/m^3 trong 30 phút, rửa nước sạch và phơi khô sau khi sử dụng.

+ Cá chết được vớt ra khỏi lồng càng sớm càng tốt. Không vứt cá chết bừa bãi ra sông, trên mặt đất, cần được chôn vào hố cách ly có rải vôi bột để tiệt trùng.

+ Vào mùa dịch bệnh không nên cho cá ăn cá tạp tươi sống. Thức ăn cần được nấu chín hoặc sử dụng thức ăn viên.

** Trị bệnh:*

+ Cá nhiễm vi khuẩn *Edwardsiella* sp dùng kháng sinh: Florphenicol hoặc Doxycycline liều lượng 3-5 gam/100kg cá/ngày, cho ăn liên tục 7 ngày. Có thể bổ sung thêm Vitamin C để tăng cường sức đề kháng cho cá với liều lượng 2-3 gam/100 kg cá/ngày, ăn liên tục 5 ngày. Thuốc được trộn vào thức ăn viên có áo dầu hoặc chất kết dính. (*Còn nữa*) ■

NGUYỄN THỊ HÀ
Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc

BIỆN PHÁP CHĂM SÓC, QUẢN LÝ TRÂU, BÒ TRONG VỤ RÉT

Để tránh những thiệt hại nặng nề cho đàn trâu, bò trong vụ rét, người chăn nuôi cần chủ động thực hiện biện pháp chăm sóc, quản lý đàn trâu, bò như sau:

Những ngày nhiệt độ xuống dưới 15°C không nên chăn thả trâu, bò

1. Thường xuyên theo dõi thời tiết

Trước những diễn biến về khí tượng thủy văn ngày càng phức tạp thì người chăn nuôi cần thường xuyên theo dõi bản tin dự báo thời tiết để có kế hoạch phòng, chống rét cho trâu, bò đạt hiệu quả cao. Trên thực tế, nguyên nhân gia súc chết rét một phần là do khí hậu lạnh giá khắc nghiệt, nhưng phần lớn là do thói quen thả rông gia súc trong rừng của người dân miền núi.

2. Quản lý đàn trâu, bò

Những ngày trời rét, nhiệt độ xuống dưới 15°C nên đưa trâu, bò về nuôi nhốt tại chuồng, không nên chăn thả. Khi nhiệt độ xuống dưới 12°C không cho ra súc làm việc (cày, kéo...). Trong trường hợp đặc biệt nếu bắt buộc phải đưa gia súc ra ngoài cần đảm bảo giữ ấm gia súc bằng cách mặc áo ấm trước khi đưa ra ngoài. Thời gian đưa gia súc ra ngoài tốt nhất sau 8 giờ sáng và trở về chuồng trước 17 giờ.

3. Cung cấp thức ăn và nước uống tại chuồng

Để tăng cường sức đề kháng cho trâu, bò cần cho ăn đầy đủ và cân đối khẩu phần thức ăn xanh và thức ăn tinh.

Những ngày bình thường mỗi trâu, bò trưởng thành cho ăn khoảng 25 - 30 kg thức ăn thô xanh và 1 - 1,5 kg thức ăn tinh. Nhưng nếu vào những ngày rét đậm, rét hại nhiệt độ dưới 15°C thì tăng lượng thức ăn tinh lên khoảng 2 kg/con/ngày để giúp trâu, bò chống lại giá rét. Ngoài thức ăn thô xanh và thức ăn tinh, bà con cần bổ sung vitamin và khoáng chất. Có thể sử dụng tảng đá liếm hoặc dùng muối ăn, nếu sử dụng tảng đá liếm thì treo tại chuồng; nếu sử dụng muố i thì pha như sau: Pha với nước ấm 37 - 38°C, nồng độ 0,1 - 0,3% (tương đương 10 - 30g muối/10 lít nước).

Cách cho ăn: Thức ăn thô xanh bổ sung trong máng thường xuyên, thức ăn tinh chia làm 2 bữa trong ngày, cho trâu bò ăn thức ăn thô xanh trước, thức ăn tinh và uống nước sạch đầy đủ theo nhu cầu.

4. Các biện pháp chống rét

a. Chất độn chuồng

Sử dụng chất độn chuồng bằng rơm, rạ, cỏ khô lót chuồng sẽ làm giảm đáng kể ảnh hưởng thời tiết lạnh đến đàn trâu, bò.

Tùy vào điều kiện thực tế có thể rải một lớp độn chuồng dày khoảng 5 - 15 cm. Các chất độn chuồng này có thể để suốt mùa đông mà không cần phải dọn (chỉ dọn phân). Chất độn chuồng luôn đảm bảo khô, không bị ẩm ướt.

b. Che chắn tránh gió

Sử dụng bạt hoặc các tấm phên, các bao tải đan lại. Không nên che kín, chỉ che qua chiều cao của con vật khoảng từ 1,8 - 2m.

c. Đốt lửa chống rét

Khi nhiệt độ xuống dưới 12°C thì cần áp dụng phương pháp đốt lửa chống rét. Dùng xô, chậu cũ để đựng củi, trấu (chú ý nhóm củi bén ở ngoài chuồng cho bớt khói rồi mới đưa vào trong chuồng). Nên đặt khay lửa ở cuối chuồng để khói không tạt vào mặt trâu, bò và tránh xa chất độn chuồng, bạt che để phòng bén lửa gây cháy.

d. Mặc áo chống rét

Khi nhiệt độ xuống dưới 12°C thì bà con cần mặc áo chống rét cho trâu, bò. Với 1 chiếc áo, bà con có thể sử dụng cho 01 trâu, bò trong suốt mùa, tuy nhiên bà con lưu ý không nên mặc áo chống rét cho trâu, bò cả ngày, lúc trời nắng ấm nên bỏ áo để trâu bò hưởng nắng ấm.

Khi mặc áo cho trâu, bò cần chú ý chiều dài áo phủ từ thân đến hết đuôi, chiều ngang vừa đủ choàng qua thân, các dây buộc thắt như khuy áo buộc dưới bụng.

5. Vệ sinh chuồng trại

Vệ sinh chuồng trại có vai trò quan trọng, giúp hạn chế mầm bệnh cho trâu, bò. Hàng ngày, cần quét dọn vệ sinh chuồng trại, thu gom phân và chất thải ra khỏi chuồng nuôi. Định kỳ phun thuốc khử trùng từ 2 - 3 tuần một lần để tăng cường tiêu độc khử trùng. Có thể sử dụng một trong các loại thuốc sau: Han - Iodine, cloramin B, Virkon,.... Cách sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

***Lưu ý**: Khi có gia súc bị chết do rét, người chăn nuôi cần báo ngay với chính quyền địa phương và cán bộ thú y để xác định thiệt hại*■

TS. NGUYỄN THỊ HẢI
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

? TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: Cá trắm cỏ có dấu hiệu bỏ ăn, xuất hiện nhiều đốm đỏ. Xin hỏi nguyên nhân và biện pháp khắc phục?

Hoàng Văn Nam

Huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Đáp:

Theo mô tả, cá trắm cỏ có thể mắc bệnh đốm đỏ; do các loài vi khuẩn thuộc giống Aeromonas gây ra. Cá chết khi mổ ra có một số bệnh tích như: Gan tái nhợt, mật màu sắc đen sẫm, thận nhũn... Ruột không có thức ăn, có thể chứa đầy hơi hoặc xuất huyết hoại tử. Tỷ lệ chết có thể lên tới 50 - 70% tổng đàn cá trong ao.

Để điều trị bệnh cần tiến hành tiêu diệt các ổ vi khuẩn có trong ao nuôi bằng cách dùng các thuốc sát trùng mạnh như Iodine hoặc TCCA... tạt đều khắp ao. Sử dụng thuốc KN-04-12 trộn vào thức ăn với liều dùng 4 g/kg cá/ngày, cho ăn liên tục trong 5 - 7 ngày. Bổ sung thêm vitamin C để tăng cường sức đề kháng cho cá.

Hỏi: Chim bồ câu đi ngoài phân xanh, bị gầy đi. Xin hỏi quý báo nguyên nhân và cách khắc phục?

Nguyễn Minh Sơn, Hòa Bình

Đáp:

a. Bệnh Newcastle: nên phòng bệnh cho chim bồ câu bằng vacxin (nhỏ Lasota cho chim non dưới 2 tháng tuổi, tiêm vacxin H1 hoặc Newcastle nhũ dầu cho chim trên 2 tháng tuổi).

b. Bệnh do *E.coli, salmonella* gây nên

c. Điều trị:

- Điều trị bệnh có thể dùng một trong các thuốc sau (trộn thức ăn hoặc nước uống): ampicol, gentadox, gentacostrim, doxygen; hoặc tiêm gentamicin, lincospecto liều theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

- Kết hợp bổ sung vitamin; khi hết liệu trình kháng sinh, bổ sung men tiêu hoá để tăng vi sinh vật có lợi đường ruột, tăng khả năng tiêu hoá thức ăn; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh sát trùng chuồng nuôi và khu vực chăn nuôi.

d. Phòng bệnh

- Vệ sinh chuồng trại, phun sát trùng trong, ngoài chuồng nuôi theo định kì.

- Đảm bảo vệ sinh thức ăn và nước uống.

- Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, bổ sung các vitamin.

Hỏi: Cây cà chua trồng 1 tháng bị thối rễ và thâm đốm dài trên cây, làm teo lá, mặt dưới lá hơi vàng. Xin hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?

Lê Văn Yên

Quảng Xương, Thanh Hóa

Đáp:

Cà chua nhà anh bị mắc bệnh lở cổ rễ *(do nấm Rhizoctonia solani).*

a. Triệu chứng: Một số triệu chứng bệnh hại do bệnh lở cổ rễ đối với cây cà chua như: chết rạp cây con, thối rễ, thối gốc, thối thân, thối quả.

Chết rạp cây con: cây con có thể bị hại trước hoặc sau khi mọc khỏi mặt đất. Sau khi nảy mầm, nấm gây ra các vết bệnh màu nâu đậm, nâu đỏ hoặc hơi đen ở gốc cây sát mặt đất, phần thân non bị thắt lại, trở nên mềm và cây con bị đổ gục và chết. Cây lớn cũng bị hại nhưng chủ yếu chỉ bị hại ở phần vỏ. Bệnh có thể xuất hiện gây hại ở cả cây trưởng thành gây hiện tượng thối rễ hoặc thối gốc thân khi điều kiện ngoại cảnh thích hợp cho nấm phát triển.

Ở gốc cây, triệu chứng ban đầu là vết lõm màu nâu hoặc hơi nâu sát mặt đất, vết bệnh có thể lan rộng quanh gốc thân và lan xuống rễ, gốc thân bị lở loét.

b. Đặc điểm phát sinh phát triển

Khi điều kiện thích hợp và thuận lợi, nấm xâm nhập và gây bệnh hại cây. Nấm hoạt động mạnh khi đất đủ ẩm. Đất quá khô hoặc bão hòa nước sẽ ức chế sự phát triển của nấm. Nấm dễ dàng xâm nhập qua vết thương; mặt khác, nấm có khả năng trực tiếp xâm nhập vào mô thực vật non, mềm.

Trên đồng ruộng, bệnh có thể phát sinh và gây hại từ khi hạt nảy mầm đến khi cây trưởng thành. Ở vườn ươm, bệnh có thể gây chết rạp hàng loạt cây con.

c. Biện pháp phòng trừ

- Vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư cây bệnh.

- Luân canh cà chua với lúa nước.

- Chọn đất không có nguồn bệnh để làm vườn ươm cây con.

Chăm sóc cho cây sinh trưởng phát triển khoẻ, tránh làm hư hại bộ phận rễ của cây khi vun xới, làm cỏ, lên luống cao, vun gốc cao, rãnh thoát nước tốt.

- Chú ý phòng tuyến trùng hại rễ cây.

- Có thể sử dụng thuốc Validacin 3 SC, Anvil 5 SC, Aliette 80 WP, 800 WG để phòng chống bệnh hoặc chế phẩm sinh học Trichoderma ■

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: GIÁ CÁ TRA TĂNG, NÔNG DÂN PHẤN KHỞI

Sau nhiều năm bị thua lỗ, nông dân nuôi cá tra tại đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang phấn khởi trở lại do giá cá nguyên liệu tăng cao kỷ lục. Hiện nay, giá cá tra đạt mức từ 28.000 - 29.000 đồng/kg, tăng 6.000 - 7.000 đồng/kg so với năm 2016 và tăng khoảng 2.000 đồng/kg so với tháng trước.

Theo Bộ Nông nghiệp & PTNT, diện tích nuôi cá tra của các tỉnh, thành ĐBSCL 10 tháng năm 2017 đạt 5.410,3 ha, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng sản lượng thu hoạch đạt hơn 1,1 triệu tấn (tăng 11,2%). Trong đó, các tỉnh có diện tích và sản lượng cá tra lớn vẫn phát triển nuôi mạnh là Đồng Tháp với sản lượng 412.400 tấn, tăng 26,9% so với cùng kỳ; tiếp đó là Cần Thơ với sản lượng đạt 152.900 tấn. Giá cá tra tăng mạnh trong thời gian qua là nhờ nhu cầu thu mua nguyên liệu để chế biến xuất khẩu từ các doanh nghiệp tăng phục vụ các đơn hàng cuối năm, trong khi nguồn cung hạn chế.

Bộ Nông nghiệp và PTNT khuyến cáo, tuy giá cá tra đang tăng, người nuôi có lãi nhưng diễn biến xuất khẩu tại các thị trường chính là Mỹ và EU đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất trong nước. Người nuôi và doanh nghiệp xuất khẩu cần nắm bắt thông tin thị trường để cân đối diện tích và sản lượng cho phù hợp.

Theo TTXVN

TRÀ VINH: GIÁ CUA BIỂN GIẢM NHƯNG NÔNG DÂN VẪN THU LỢI LỚN

Hiện nông dân các huyện ven biển như: Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú, Châu Thành, thị xã Duyên Hải của tỉnh Trà Vinh cơ bản đã thu hoạch dứt điểm mùa vụ nuôi cua biển năm 2017.

Tuy sản lượng cua biển thu hoạch không nhiều nhưng giá cua thương phẩm lại giảm mạnh so với thời điểm cuối tháng 10. Cụ thể, giá cua gạch và cua loại I (2 - 3 con/kg) được thương lái thu mua với giá 300.000 đồng/kg, giảm 50.000 đồng/kg; cua cái so và cua thịt loại II (4 - 5 con/kg) từ 150.000 - 160.000 đồng/kg, giảm 30.000 đồng/kg.

Giá cua biển cuối vụ tuy có giảm nhưng năm nay là năm nông dân nuôi cua biển ở Trà Vinh thắng lớn nhờ giá cua biển ổn định ở mức bình quân 200.000 - 250.000 đồng/kg, cao hơn năm trước 50.000 đồng/kg.Theo Chi cục nuôi trồng thủy sản Trà Vinh, năm nay nông dân trong tỉnh thả nuôi cua biển trên diện tích khoảng 13.000 ha, năng suất bình quân đạt 0,8 - 1,2 tấn/ha/vụ, tổng sản lượng thu hoạch trên 1.400 tấn/năm.

Mô hình nuôi cua biển trong ao nuôi tôm sú để thay thế cho một vụ nuôi tôm sú hoặc tôm thẻ chân trắng, nhằm hạn chế sự rủi ro của việc nuôi tôm sú 2 vụ trong năm thực sự đã mang lại hiệu quả kinh tế và tính ổn định cho nông dân Trà Vinh liên tiếp trong 6 năm nay.

Theo TTXVN

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

SẢN LƯỢNG GẠO CỦA HÀN QUỐC RƠI XUỐNG MỨC THẤP NHẤT TRONG 37 NĂM QUA

Theo báo cáo mới nhất của Cơ quan thống kê Hàn Quốc (Statistics Korea), sản lượng gạo của Hàn Quốc đứng ở mức 3,97 triệu tấn trong năm nay, giảm 5,3% so với mức 4,2 triệu tấn của năm trước đó. Đây là sản lượng thấp nhất được ghi nhận kể từ mức 3,55 triệu tấn gạo hồi năm 1980.

Một trong những nguyên nhân dẫn tới sự sụt giảm này là diện tích trồng lúa tại Hàn Quốc liên tục sụt giảm, từ mức 778.734 ha trong năm 2016 xuống còn 754.713 ha vào năm nay. Dự báo lượng gạo được tiêu thụ tại Hàn Quốc sẽ vào khoảng 3,7 triệu tấn trong năm nay, khiến sản lượng tiếp tục vượt quá nhu cầu khoảng 300.000 tấn.

Trước đó, Chính phủ Hàn Quốc đã thông báo sẽ thu mua khoảng 720.000 tấn gạo thu hoạch trong năm nay nhằm bình ổn thị trường gạo nội địa. Một quan chức của Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn Hàn Quốc cho biết sẽ nỗ lực mua gạo càng sớm càng tốt và sẽ giữ giá của mỗi bao gạo 80 kg ở mức khoảng 150.000 won (132 USD).

Theo Vinanet

ÚC BẮT ĐẦU CHO PHÉP NHẬP KHẨU TRỞ LẠI TÔM CHƯA NẤU CHÍN

Theo China Daily, gần 100 tấn tôm trị giá 1,9 triệu USD vừa được các nhà xuất khẩu tôm giao từ Trung Quốc tới Úc. Sự kiện này cho thấy các nhà xuất khẩu tôm thẻ từ các nước đã được cho phép hiện đang bắt đầu rục rịch quay trở lại thị trường Úc.

Lệnh cấm nhập khẩu tôm xanh được đưa ra sau khi bùng phát dịch đốm trắng tại các trang trại nuôi tôm phía Đông Nam bang Queensland của Úc vào tháng 12/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 9/1/2017. Lệnh cấm nhập khẩu được áp dụng với tôm và thịt tôm chưa nấu chín. Lệnh cấm này đã gây ra thiệt hại đáng kể cho các nhà cung ứng tôm tại Trung Quốc và các nước châu Á trong đó có Việt Nam.

Úc là thị trường tiềm năng của Việt Nam bởi thị trường này đang có sức hấp dẫn với doanh nghiệp khi nhu cầu tiêu thụ tôm tăng. Để xuất tôm sang Úc, các nước xuất khẩu cần xác nhận rằng tôm chưa chế biến đã qua kiểm tra và không có các virus đốm trắng (WSSV) và đầu vàng (YHV). Khi cập cảng tại Úc, tôm phải được kiểm tra một lần nữa với WSSV và YHV trong phòng thí nghiệm có máy quét của Úc trước khi được phân phối ra thị trường.

Theo Vinanet